

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 02/01/2019)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: ..89.1 /QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : 0251 3836 148 **Fax:** 0251 3836 505
Website : www.thepbienhoa.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN.HCM

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028 6290 8686 **Fax:** 028 6291 0607
Website : www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Huỳnh Công Du
Điện thoại: 0251 3836 148

Chức vụ: Tổng Giám đốc
Fax: 0251 3836 505

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố
Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 02/01/2019)*

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 3836 148

Fax: 0251 3836 505

Website: www.thepbienhoa.vn



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu: VCA

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 15.187.322 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 151.873.220.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng
Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 028 3910 0751

Website: <https://www2.deloitte.com/vn>



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3824 1990

Website: <https://aasc.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CN.HCM

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường
Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 6290 8686 **Fax:** 028 6291 0607

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro lãi suất.....	8
3. Rủi ro tỷ giá.....	8
4. Rủi ro về luật pháp.....	8
5. Rủi ro đặc thù ngành.....	9
6. Rủi ro khác.....	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	12
1. Tổ chức niêm yết.....	12
2. Tổ chức tư vấn.....	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	14
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	14
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	18
3. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ).....	23
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP Thép VICASA - VNSTEEL, những công ty mà CTCP Thép VICASA - VNSTEEL đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Thép VICASA - VNSTEEL.....	24
5. Hoạt động kinh doanh.....	26
5.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính.....	26
5.2. Cơ cấu doanh thu theo từng nhóm.....	28
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	41
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	43
8. Chính sách đối với người lao động.....	49
9. Chính sách cổ tức.....	51
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	51
11. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	59
12. Tài sản.....	73
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	75
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	78
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	79

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	79
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	79
1. Loại chứng khoán.....	79
2. Mệnh giá.....	79
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	79
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:	80
5. Xếp hạng tín nhiệm: Không có.	80
6. Giá niêm yết dự kiến	80
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	82
8. Các loại thuế có liên quan	82
8.1. Thuế liên quan tới hoạt động của Công ty	82
8.2. Thuế liên quan tới nhà đầu tư, cổ đông.....	83
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	84
1. Tổ chức tư vấn.....	84
2. Tổ chức kiểm toán.....	84
VII. PHỤ LỤC.....	84
1. Phụ lục I	84
2. Phụ lục II.....	84
3. Phụ lục III.....	84
4. Phụ lục IV	84
5. Các phụ lục khác	84

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	14
Bảng 2. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn Điều lệ Công ty.....	16
Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 17/06/2020.....	23
Bảng 4. Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 17/06/2020	23
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	28
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp.....	28
Bảng 7. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí trên doanh thu.....	30
Bảng 8. Danh sách các hợp đồng bán mua bán hàng.....	40
Bảng 9. Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2019 và 09 tháng đầu năm 2020.....	41
Bảng 10. Số lượng lao động của Công ty.....	49
Bảng 11. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 và kế hoạch năm 2020	51
Bảng 12. Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước	53
Bảng 13. Trích lập quỹ của Công ty	54
Bảng 14. Danh sách tổng dư nợ vay	54
Bảng 15. Danh sách dư nợ vay chi tiết của Công ty tại ngày 30/09/2020	55
Bảng 16. Danh sách các khoản phải thu	55
Bảng 17. Danh sách các khoản phải trả	56
Bảng 18. Danh sách các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	57
Bảng 19. Danh sách hội đồng quản trị	59
Bảng 20. Ban Tổng giám đốc.....	65
Bảng 21. Danh sách Ban kiểm soát.....	68
Bảng 22. Tình hình tài sản cố định	73
Bảng 23. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	74
Bảng 24. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty.....	74
Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và dự kiến năm 2021	76
Bảng 26. Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết	80

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới, IMF nhận định rằng nền kinh tế toàn cầu giảm sút trong năm 2019 ở mức 2,4%. Nền kinh tế Trung Quốc năm 2019 tăng 6,1%, tiếp tục giảm so với mức 6,6% của năm trước đó, đánh dấu năm giảm thứ 3 liên tiếp. Trong khi đó, nền kinh tế Mỹ đã tăng trưởng vững chắc ở mức 2,3% trong năm nay, mặc dù mức tăng này thấp hơn 0,6% so với năm 2018. Nhìn chung trong năm 2019 các nền kinh tế lớn đồng loạt giảm tốc, nguyên nhân không chỉ từ cuộc chiến thương mại, mà còn từ việc Anh ra khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) và các bất ổn chính trị. Đến gần cuối năm nay, Mỹ và Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận thương mại “Giai đoạn 1”, song thỏa thuận “Giai đoạn 2” vẫn chưa có kế hoạch đàm phán. Tuy nhiên thỏa thuận “Giai đoạn 1” vẫn giúp gỡ bỏ phần nào những mâu thuẫn, hạ nhiệt căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, vốn là vấn đề đáng lo ngại trong thời gian qua.

Theo Tổng cục thống kê GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Năm 2019, nền kinh tế thế giới đầy biến động và thách thức, tuy nhiên tình hình kinh tế Việt Nam có chuyển biến tích cực, và đạt những thành tựu đáng kể.

Bước sang năm 2020, tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp rất nhiều thách thức, đặc biệt dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, lây lan nhanh sang nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Thời điểm bùng nổ của dịch Covid-19 đang diễn ra vào đúng giai đoạn chu kỳ kinh tế toàn cầu dễ bị tổn thương. Hiện nay, dịch Covid-19 đang bùng nổ tại các quốc gia lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Ấn Độ ... Top 10 nền kinh tế lớn nhất cùng nhau tạo ra 66% GDP, 69% sản lượng công nghiệp chế biến – chế tạo, 46% xuất khẩu, và 56% xuất khẩu chế biến, chế tạo toàn cầu, điều này tạo ra cú sốc rất lớn về cả tổng cầu và cung của nền kinh tế thế giới.

Theo Tổng cục Thống kê (TCTK), tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2020 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2020. Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đã tạo động lực cho nền kinh tế nên GDP quý IV/2020 tăng trưởng khởi sắc so với quý III/2020, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%; khu vực dịch vụ tăng 4,29%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07%.

Trong bối cảnh triển vọng xuất khẩu tiêu cực hơn khi nhu cầu hàng hóa toàn cầu suy giảm vì dịch bệnh và nguồn vốn FDI cũng sụt giảm, đầu tư công có thể sẽ đóng vai trò quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nói chung và ngành thép nói riêng.

Nhằm hạn chế các rủi ro về mặt kinh tế, Công ty luôn chủ động nắm bắt chuyển biến kinh tế trong nước và thế giới nhằm tận dụng cơ hội cũng như vượt qua thách thức đưa Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL ngày càng đi lên.

2. Rủi ro lãi suất

Nhân tố kinh tế tiếp theo ảnh hưởng đến ngành thép là lãi suất. Đặc thù ngành thép là thâm dụng vốn nên nhu cầu vay nợ bình quân trong ngành rất cao, khoảng 55% trong cơ cấu tài sản được tài trợ bằng nợ vay. Khi nền kinh tế xảy ra lạm phát cao, Nhà nước buộc phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt bằng cách tăng lãi suất cho vay thì các doanh nghiệp lại càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng và lãi vay của doanh nghiệp cũng sẽ tăng lên. Do đó, nhân tố lãi suất cũng có tác động không nhỏ đến hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ngành thép nói riêng.

3. Rủi ro tỷ giá

Đặc thù của ngành thép Việt Nam là phải nhập khẩu đến 50 - 60% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Không chủ động được nguyên liệu đầu vào là một bất lợi lớn đối với ngành thép Việt Nam. Bên cạnh đó tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty. Nếu tỷ giá tăng lên thì chi phí đầu vào của công ty cũng sẽ tăng theo, trong khi giá bán sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Các công ty trong nước khó có thể xoay sở kịp với sự tăng giảm thất thường của giá đầu vào, đồng thời cũng không thể điều chỉnh ngay lập tức giá bán sản phẩm khi chi phí đầu vào tăng lên vì mục tiêu duy trì uy tín với khách hàng cũng như thị phần trong nước.

4. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Ngoài ra, Các hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký gần đây có ảnh hưởng khá tiêu cực đến ngành thép, do phải dần gỡ bỏ các hàng rào thuế bảo hộ trong nước. Điều này tạo áp lực lên các doanh nghiệp thép nội địa trong việc cạnh tranh với các cường quốc thép như Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc... trong tương lai.

5. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro nguồn vật liệu và chi phí đầu vào

Hiện nay, công nghệ sản xuất thép của Công ty là lò Hồ quang điện bazit (EBT) nên các chi phí như thép phế liệu và điện chiếm đến hơn 80% giá vốn hàng bán. Với đặc điểm ngành thép Việt Nam còn khá non trẻ do đó lượng thép phế cung cấp từ nội địa không nhiều mà gần như nhập khẩu từ các quốc gia khác như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Úc ... Chi phí thứ hai chiếm tỷ trọng lớn là điện, hiện nay giá điện Việt Nam vẫn khá thấp so với các nước trong khu vực từ đó tạo lợi thế cho các doanh nghiệp sử dụng Hồ quang điện bazit (EBT). Tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng các ngành công nghiệp nặng như hiện nay dẫn đến nhu cầu về điện ngày càng gia tăng. Trong khi, các nguồn cung chủ yếu về điện như Thủy Điện, Điện Than, Điện Khí tăng trưởng chậm từ đó tạo áp lực tăng giá điện và làm tăng chi phí về điện của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Với tình trạng dư thừa sản lượng từ năm 2015, dự báo kinh tế giảm và đồng nhân dân tệ phá giá thời gian qua nhằm hỗ trợ xuất khẩu kinh tế sẽ giúp Ngành thép Trung Quốc tăng cường xuất khẩu ra thế giới. Bên cạnh đó, ngành thép hiện nay đang đối mặt với nhiều vụ kiện bán phá giá, chống trợ cấp từ các nước nhập khẩu và hiện áp thuế chống phá giá từ nhiều quốc gia. Đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu thép của Việt Nam trong nửa đầu năm 2020. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong quý I năm 2020 đã giảm 15,4% so với cùng kỳ xuống 2,3 triệu tấn và tiếp tục giảm 1,8% so với cùng kỳ xuống 2,6 triệu tấn trong quý II năm 2020. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đã tăng trở lại 8,8% so với cùng kỳ lên 2,7 triệu tấn trong quý III năm 2020. Do việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng từ tháng 6 năm 2020 đã hỗ trợ nhu cầu thép trong quý III năm 2020. Trong khi đó, sản lượng xuất khẩu phôi thép đã bứt phá trong 9 tháng 2020 nhờ vào việc đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng của Trung Quốc. Theo dữ liệu từ hiệp hội thép Việt Nam, sản lượng phôi thép xuất khẩu của 2 nhà sản xuất thép lớn nhất Việt Nam - HPG và Formosa Hà Tĩnh sang thị trường Trung Quốc đạt hơn 2 triệu tấn trong 9 tháng năm 2020.

Mặc dù đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực lên triển vọng thị trường thép nội địa nửa đầu năm 2020, các nhà sản xuất thép lớn với khả năng quyết định giá, sở hữu tài chính tốt và lợi thế sản xuất theo quy mô đã nắm bắt cơ hội này để giành lấy thị phần. Cụ thể, Khu liên hợp gang thép Dung Quất đang dần đi vào hoạt động giúp Hòa Phát nâng cao năng lực sản xuất và ngày càng hoàn thiện danh mục sản phẩm gia tăng thị phần đặc biệt là phía Nam. Từ đó, có thể thay đổi quá trình tái cấu trúc ngành thép Việt Nam trong dài hạn.

Ngoài các rủi ro nêu trên, các yếu tố nội tại của nền kinh tế Việt Nam hiện nay như: tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội ổn định, tốc độ đô thị hóa và thu nhập

binh quân đầu người ngày càng tăng cao mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành tập trung phát triển thị trường nội địa.

Rủi ro môi trường

Ô nhiễm môi trường (không khí và nguồn nước) là một vấn đề không thể tránh khỏi khi ngành thép hoạt động. Vì vậy, sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất thép ở Việt Nam có thể mang lại hậu quả khó lường cho môi trường nếu như không kiểm soát tốt. Do đó, việc kiểm tra nguồn nước và không khí trong quá trình sản xuất đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra bên ngoài luôn được Công ty chú trọng.

6. Rủi ro khác

Tác động của Covid – 19 đến rủi ro đặc thù ngành thép.

Theo Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel) dự báo nhu cầu thép toàn cầu sẽ giảm 6,4% trong năm 2020 do bị tác động trực tiếp bởi Covid-19, và sẽ chỉ hồi phục vào năm 2021. Worldsteel dự báo sản lượng thép thô toàn cầu năm 2020 sẽ ở mức 1,65 tỷ tấn, sau đó tăng 3,8% lên 1,71 tỷ tấn vào năm 2021. Tính lũy kế 10 tháng đầu năm 2020, tổng sản lượng thép thô thế giới giảm 2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1.512,7 triệu tấn. Trung Quốc, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran là số ít những nước có sản lượng cao và tiếp tục tăng trưởng trong 10 tháng đầu năm.

Về nhu cầu có khả năng mức sụt giảm nhu cầu thép ở hầu hết các nước sẽ không nghiêm trọng như ở cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, vì Covid-19 ảnh hưởng nhiều hơn tới những ngành ít sử dụng thép như tiêu dùng và dịch vụ. Tuy nhiên, ở nhiều nền kinh tế phát triển, nhu cầu thép vẫn chưa hồi phục hoàn toàn kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, và hiện vẫn ở mức thấp.

Đối với thị trường thép trong nước, theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) sau thời gian chững lại của quý I/2020 nhu cầu sẽ tăng trở lại khi dịch bệnh được kiểm soát. Tuy nhiên, thị trường thép trong nước sẽ phải đối phó với thép xuất khẩu của Trung Quốc với giá rẻ do Bộ Tài chính Trung Quốc tuyên bố sẽ tăng mức hoàn thuế đối với 1.084 hàng hóa xuất khẩu lên 13% và với 380 mặt hàng lên 10% kể từ ngày 20/3/2020. Các sản phẩm thép bao gồm thép hợp kim và không hợp kim như thép không gỉ, thép thanh, ống thép và các sản phẩm cuối cùng làm bằng thép như đồ dùng nhà bếp là một trong số 1.084 mặt hàng được hưởng hoàn thuế 13%. Hiện tại, các sản phẩm thép này hầu hết được hoàn thuế ở mức 9% hoặc 10%, tùy thuộc vào loại hoặc thông số kỹ thuật. Với việc tăng hoàn thuế, các nhà xuất khẩu thép Trung Quốc sẽ linh hoạt hơn để giảm giá xuất khẩu hơn nữa và do đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm thép có nguồn gốc Trung Quốc trên phạm vi quốc tế trong đó có Việt Nam. Khi đó, doanh nghiệp sẽ phải sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào với giá cao sẽ cạnh tranh gay gắt với thép thành phẩm giá rẻ của Trung Quốc chào bán.

Với nguồn cung ứng nguyên liệu, trong ngắn hạn tác động không nhiều, tuy nhiên, 1 số nguyên liệu như than cốc, than điện cực... sẽ có nguy cơ hạn chế nếu dịch bệnh chưa được kiểm soát, dẫn đến giá tăng. Với các đơn vị phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu, vật tư, phụ tùng nhập khẩu thay thế từ Trung Quốc bị ảnh hưởng lớn nếu tình hình dịch bệnh tiếp tục kéo dài. Tính đến tháng 11, sản xuất và bán hàng các sản phẩm thép các loại trong nước tháng 11 tăng 4,34% so với tháng trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ 2019. Trị giá xuất khẩu tháng 10 của Việt Nam đạt 539 triệu USD giảm không đáng kể so với tháng 9/2020 nhưng tăng hơn 60% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 10 tháng đầu năm, ASEAN và Trung Quốc vẫn là hai thị trường xuất khẩu chính của thép Việt. Đáng lưu ý xuất khẩu thép sang Trung Quốc tăng mạnh cả về lượng và giá trị đạt 2,98 triệu tấn tương đương với trị giá 1,9 tỷ USD, chiếm 36,56% tỷ trọng xuất khẩu thép 10 tháng 2020 của Việt Nam

Rủi ro chính sách bán hàng

Với đặc thù Công ty cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP do đó chính sách bán hàng của Công ty thông qua các đơn vị thành viên thuộc Tổng thép như Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (chiếm 88,08% doanh thu năm 2019); Công Ty Cổ Phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL (chiếm 5,26% doanh thu năm 2019); Công Ty Thép Tây Đô (chiếm 0,55% doanh thu năm 2019). Do đó, chiến lược sắp tới của công ty để gia tăng thị phần, cạnh tranh với các công ty đối thủ, định hướng phân khúc thị trường, chính sách bán hàng, sản phẩm của công ty trong thời gian tới sẽ đi theo định hướng của Tổng Công ty. Tuy nhiên điều này cũng tạo lợi thế cho Công ty được hỗ trợ từ Tổng thép và các thành viên trong tập đoàn từ việc sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Điển hình như, trong khâu sản xuất Công ty thừa hưởng quy trình, công nghệ và thương hiệu thép chữ “V” từ Tổng thép và bán hàng thông qua kênh phân phối thuộc thành viên Tổng thép.

Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các kho hàng hóa, nguyên vật liệu.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Lê Văn Cam	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông: Huỳnh Công Du	Chức vụ: Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
Ông: Nguyễn Thanh Hùng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Phước Hải	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Lê Quang Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn TCDN

Theo giấy ủy quyền số: 112 - 2019/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 13/12/2019

114 - 2018/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 17/12/2018

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/VCA	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL
Tổ chức đăng ký NY	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL
FPTS	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
BCB	Bản cáo bạch
BCTC	Báo cáo tài chính
Logo	Biểu tượng
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
VĐL	Vốn điều lệ
LNST	Lợi nhuận sau thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
DTT	Doanh thu thuần
CP	Cổ phiếu, cổ phần
VNĐ	Việt Nam đồng
Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL
- Tên tiếng Anh : VNSTEEL - VICASA JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : VCS
- Mã chứng khoán : VCA
- Logo : 
- Vốn điều lệ : 151.873.220.000 VNĐ
- Trụ sở chính : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Số điện thoại : 0251 3836 148
- Số fax : 0251 3836 505
- Website : www.thepbienhoa.vn
- GCN đăng ký doanh nghiệp : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 02/01/2019
- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất sắt, thép, gang chính
- Đăng ký công ty đại chúng : Công ty trở thành công ty đại chúng năm 2010

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
3	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép, sắt thép các loại.	2410 (Chính)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán thứ liệu và phế liệu kim loại.	4669
5	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định vỏ chai chứa khí áp lực.	7120
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, mỡ máy (địa điểm kinh doanh xăng dầu phải phù hợp quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu của tỉnh)	4661
8	Tái chế phế liệu Chi tiết: Xử lý, gia công, chế biến thứ liệu và phế liệu kim loại	3830
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công kết cấu thép	2592
10	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị, phụ tùng ngành sản xuất thép. Chế tạo thiết bị cơ khí luyện kim	2822
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng ngành sản xuất thép	4659
12	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống Chi tiết: Sản xuất Oxy, Nitơ và Argon dạng lỏng hoặc khí	3520
13	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cơ khí luyện kim	3320
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sản phẩm thép, nguyên vật liệu sản xuất thép	4662

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Những cột mốc phát triển quan trọng	
17/5/1967	<ul style="list-style-type: none"> Xí nghiệp –Việt Nam Cán sắt Công ty (viết tắt VICASA) là tiền thân Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL, được thành lập từ ngày 17/5/1967 với hình thức Công ty nặc danh với số vốn đầu tư 600.000.000 VNĐ của 15 cổ đông sau do Lý Long Thân làm chủ tịch Hội đồng quản trị

Những cột mốc phát triển quan trọng	
15/6/1975	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà máy mang tên: Nhà máy luyện cán thép VICASA • Thời kỳ tiếp quản – cải tạo – duy trì sản xuất • Năm 1976 sáp nhập Nhà máy VIGESCO (xưởng cán tư nhân) vào VICASA (PX cán II) • Ngày 18/5/1977 quyết định 565/QĐ.UBND.TPHCM quốc hữu hóa xí nghiệp cán sắt Công ty (VICASA) trực thuộc Công ty luyện kim đen – thuộc Bộ cơ khí và luyện kim. • Thời điểm 1979 nhà máy VICASA có lực lượng lao động lớn nhất lên đến 1.340 người
1980	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi tên thành Nhà máy Luyện Cán Thép Biên Hòa
18/11/1992	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà máy đổi tên thành Nhà Máy Thép Biên Hoà (Quyết định số 788 QĐ/CNNg - TC Ngày 18/11/1992)
01/7/2007	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà máy đổi tên thành Công ty Thép Biên Hòa. Thực hiện chủ trương cổ phần hóa theo Quyết định số 2255/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 29/6/2007 và Quyết định số 580/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Thép Việt Nam ngày 17/9/2007 về việc xác định giá trị Công ty Thép Biên Hòa tại thời điểm 01/07/2007.
01/01/2008	<ul style="list-style-type: none"> • Đổi tên thành Công ty cổ phần Thép Biên Hòa (VICASA), chính thức hoạt động theo mô hình cổ phần từ ngày 01/01/2008.
21/02/2011	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày 21/02/2011, Công ty chính thức giao dịch chứng khoán tập trung (Upcom)
06/4/2016 – đến nay	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL và tiếp tục hoạt động phát triển ổn định

1.3 Quá trình tăng vốn

Kể từ khi trở thành công ty đại chúng từ năm 2010, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu vào tháng 06/2010.

Bảng 2. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn Điều lệ Công ty

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành thêm	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VNĐ)	Phương thức tăng vốn

Năm 2008		135.000.000.000	Vốn ban đầu sau khi cổ phần hóa
Lần 1: Tháng 06/2010	1.687.322	151.873.220.000	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức

Chi tiết quá trình tăng vốn:

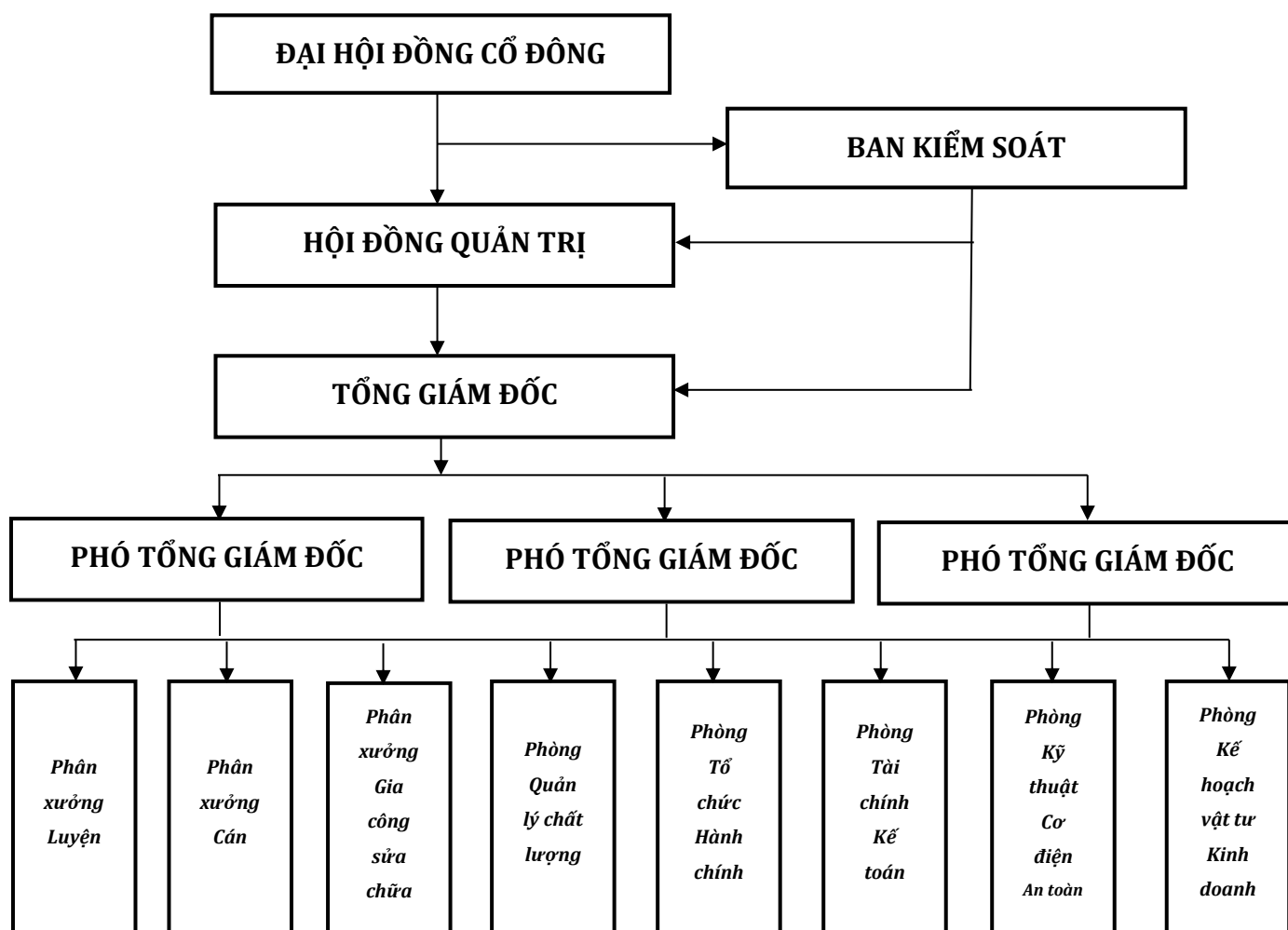
- **Tăng vốn đợt 1 - Tháng 06/2010: tăng từ 135.000.000.000 đồng lên 151.873.220.000 đồng**
- Vốn điều lệ trước phát hành : 135.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 151.873.220.000 đồng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 1.687.322 cổ phiếu
- Phương thức phát hành : Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu : Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước.

1.4 Các thành tích đạt được

Năm	Danh hiệu	Danh hiệu đạt được
2011	Bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai	Quyết định số 146/QĐ-UBND Tỉnh Đồng Nai về việc đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “xây dựng quan hệ lao động lành mạnh trong doanh nghiệp” năm 2011
2011	Bằng khen của UBND tỉnh Đồng Nai	Quyết định số 1257/QĐ-UBND Tỉnh Đồng Nai về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý môi trường giai đoạn năm 2006 – 2010
2012	Bằng khen Tổng Công ty	Quyết định số 09/QĐ-VCS ngày 07/01/2013, khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 2012.
2014	Bằng khen của Bộ Công thương	Quyết định số 3011/QĐ-BCT ngày 08/4/2014 về việc tặng thưởng bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công thương tặng thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013

2017	Bảng khen của Bộ Công thương	Quyết định số 4134/QĐ-BCT ngày 31/10/2017 về việc tặng thưởng bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công thương tặng thưởng cho các đơn vị ngành Công thương đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016
------	------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty



Diễn giải:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các phòng Chuyên môn;
- Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên không chuyên trách.

- Ông Lê Văn Cam - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Huỳnh Công Du - Thành viên;
- Ông Nguyễn Đông Vững - Thành viên;
- Ông Nguyễn Bảo Giang - Thành viên.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- Ông Nguyễn Phước Hải - Trưởng ban kiểm soát;
- Ông Lê Trọng Dung - Thành viên;
- Ông Hồ Duy Khải - Thành viên.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 03 phó Tổng Giám đốc:

- Ông Huỳnh Công Du - Tổng giám Đốc;
- Ông Vương Thanh Đường - Phó Tổng Giám đốc;
- Ông Nguyễn Đông Vững - Phó Tổng Giám đốc;
- Ông Ngô Tiến Thọ - Phó Tổng Giám đốc;

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

Phòng Tổ chức Hành chính:

- Công tác tổ chức sắp xếp bộ máy quản lý CBCNV, tuyển dụng lao động.
- Công tác quản lý lao động, định mức lao động, xây dựng và thi hành chế độ chính sách về tiền lương, thưởng và các chế độ của Người lao động đúng theo quy định của Luật lao động, Luật BHXH và các quy định khác có liên quan đến Người lao động.
- Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý hành chính như tổ chức phục vụ hội họp, cây cảnh, vệ sinh khu vực văn phòng, y tế, bố trí phục vụ xe công tác và cứu thương...
- Tổ chức điều hành đội bảo vệ Công ty đảm bảo tình hình an ninh trật tự, bảo vệ an toàn tài sản của Công ty.
- Quản lý sân tennis, các đối tác thuê mặt bằng Công ty.

Phòng Tài chính Kế toán:

- Phòng Tài chính kế toán cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Tổng Giám đốc Công ty, giúp Tổng Giám đốc lập kế hoạch, tổ chức điều hành, kiểm tra và ra quyết định.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm.
- Xây dựng kế hoạch và xác định nhu cầu vốn lưu động, huy động các nguồn vốn sẵn có đảm bảo nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh:

- Là cơ quan tham mưu giúp Tổng Giám đốc lập kế hoạch, theo dõi kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.
- Quản lý các loại vật tư, xây dựng định mức vật tư nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất, sửa chữa và xây dựng cơ bản và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các định mức đó.
- Quản lý bán thành phẩm, phế phẩm, thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm theo nhiệm vụ của Tổng Giám đốc giao.

Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn:

- Là phòng chức năng giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý các mặt công tác sau đây:
- Toàn bộ các thiết bị, phương tiện vận tải, xe cơ giới của Công ty, các nguồn năng lượng phục vụ sản xuất, thiết bị dụng cụ đo lường (điện và áp lực, nhiệt độ, lưu lượng, cân đo).
- Kỹ thuật sản xuất; tiến độ kỹ thuật, tự chế thiết bị và chế thử sản phẩm; quản lý định mức tiêu hao vật tư năng lượng; quản lý tiêu chuẩn sản xuất; tiêu chuẩn vật tư phụ tùng; quản lý sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; kỹ thuật môi trường, an toàn lao động vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ.
- Đầu tư nâng cấp trang thiết bị; xây dựng cơ bản, quy hoạch mặt bằng tổng thể của Công ty; an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng cháy chữa cháy...
- Thực hiện công tác ISO của Công ty.

Phòng Quản lý Chất lượng:

Phòng QLCL là cơ quan chức năng giúp Tổng Giám đốc quản lý chất lượng sản phẩm và bán sản phẩm của Công ty (theo dõi, kiểm tra đánh giá và điều chỉnh, đề xuất biện pháp để ổn định và nâng cao chất lượng thành phẩm và bán thành phẩm), thi hành pháp luật của Nhà nước, các quy định của các cơ quan cấp trên Công ty về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Phân xưởng Luyện thép:

Là đơn vị giúp Tổng Giám đốc thực hiện sản xuất các sản phẩm thép luyện, khí Oxy, nitơ... theo kế hoạch hàng ngày, tuần, tháng, hàng quý, năm của Công ty giao.

Phân xưởng Cán thép:

Là đơn vị giúp Tổng Giám đốc thực hiện sản xuất các sản phẩm thép cán theo kế hoạch hàng ngày, tuần, tháng, hàng quý, năm của Công ty giao.

Phân xưởng Gia công Sửa chữa:

Là đơn vị giúp Tổng Giám đốc thực hiện các chức năng gia công các chi tiết... theo kế hoạch hàng ngày, tuần, tháng, hàng quý, năm của theo yêu cầu của các đơn vị.

3. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 17/06/2020

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 17/06/2020

STT	Cổ đông	CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	0100100047	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	9.871.875	65,00%
2	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	0400101549	Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, P.Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng	1.084.629	7,14%
	Tổng			10.956.504	72,14%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/06/2020)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 02/01/2019.

Theo quy định tại điều 119 Luật doanh nghiệp năm 2014, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3. Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 17/06/2020

Bảng 4. Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 17/06/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	879	15.132.335	99,64%

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông tổ chức	6	11.055.404	72,79%
2	Cổ đông cá nhân	873	4.076.931	26,84%
II	Cổ đông nước ngoài	10	54.987	0,36%
1	Cổ đông tổ chức	3	37.825	0,25%
2	Cổ đông cá nhân	7	17.162	0,11%
	Tổng cộng	889	15.187.322	100,00%

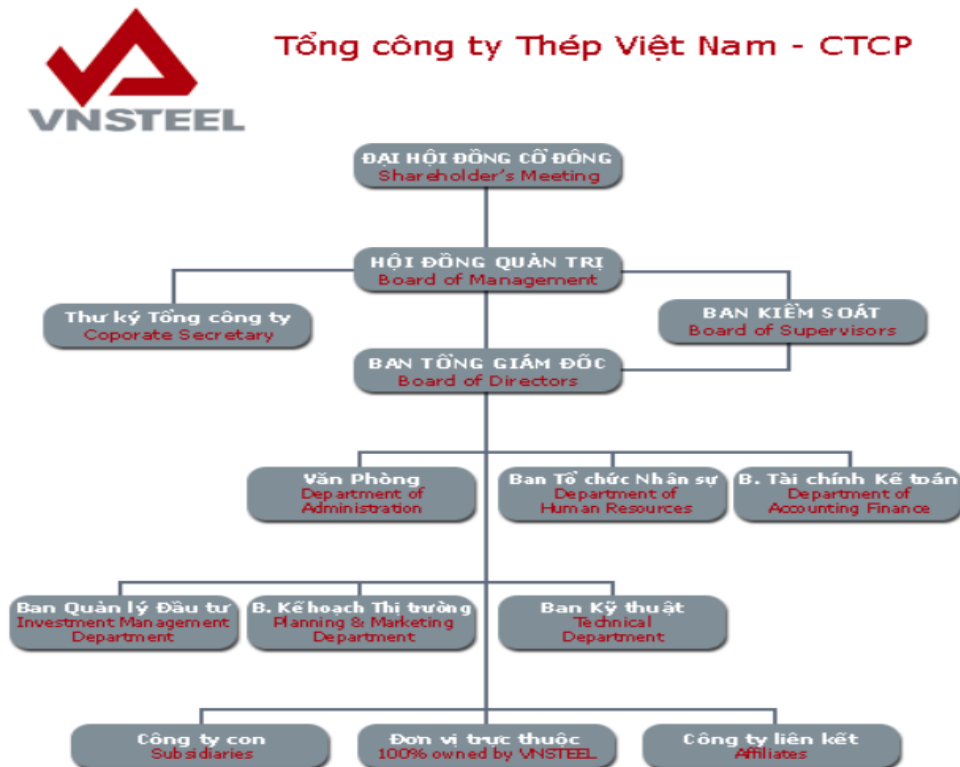
(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 17/06/2020)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP Thép VICASA - VNSTEEL, những công ty mà CTCP Thép VICASA - VNSTEEL đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Thép VICASA - VNSTEEL.

- Công ty mẹ:

- ✓ Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
- ✓ Vốn điều lệ đăng ký: 6.780.000.000.000
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 6.780.000.000.000
- ✓ GCN Đăng ký doanh nghiệp: 0100100047
- ✓ Địa chỉ: Số 91 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- ✓ SĐT: (024) 38 561 767 Fax: (024) 38 561 815
- ✓ Tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL: 65,00% tương ứng với 9.871.875 cổ phiếu.
- ✓ Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: Sản xuất thép và các loại sản phẩm thép;
 - Kinh doanh khí oxy phục vụ luyện thép và nạp chai thành phẩm" Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ kho bãi, ký gửi hàng hóa, khai thác cảng;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm thép;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán vật tư, nguyên liệu, phế liệu kim loại phục vụ cho sản xuất thép (Doanh nghiệp phải đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)

✓ Cơ cấu tập đoàn Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP



1. Công ty con

- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên
- Công ty CP Kim khí Hà Nội
- Công ty CP Kim khí Miền Trung
- Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh
- Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
- Công ty CP Thép Thủ Đức-VNSTEEL
- Công ty CP Thép Nhà Bè-VNSTEEL
- Công ty CP Thép dự ứng lực
- Công ty CP Mạ Kẽm Công Nghiệp VINGAL-VNSTEEL
- Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long
- Công ty CP Thép Tấm Miền Nam
- Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam Vinatrans

2. Đơn vị trực thuộc

- Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh
- Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL
- Công ty Thép Miền Nam-VNSTEEL
- Công ty Tư vấn Thiết kế Luyện kim
- Khách sạn Phương Nam
- Viện Luyện kim đen
- Công ty TNHH MTV Cung ứng nhân lực và dịch vụ

3. Công ty liên kết

Công ty CP CĐLK Thái Nguyên
Công ty CP VLCL Trúc Thôn
Công ty CP Thép Đà Nẵng
Công ty CP Thép Tân Thuận
Công ty CP Lưới thép Bình Tây
Công ty CP Đầu tư và XD Miền Nam
Công ty CP Cơ khí Luyện kim
Công ty TNHH thép VPS
Công ty TNHH thép Vinausteel
Công ty TNHH VinaKyoiei
Công ty TNHH NatsteelVina
Công ty TNHH Vinapipe
Công ty TNHH Trung tâm TM IBC
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải
Công ty TNHH Nipponvina
Công ty TNHH Tôn Phương Nam
Công ty TNHH Thép Sài Gòn
Công ty TNHH Thép Tây Đô
Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật
Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt – Trung
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất
Công ty CP Đầu tư Cảng container quốc tế Vũng Tàu
Công ty CP Vôi Tân Thành Mỹ
Công ty CP Vận tải biển quốc tế (VINALINES)
Công ty Vật liệu Nam Ứng
Công ty Cổ phần Đôlômít Việt Nam

- **Danh sách những công ty con:** Không có.
- **Công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có.
- **Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng:** Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Sau 42 năm hình thành và phát triển, Công ty đã xây dựng và khẳng định được thương hiệu là một trong những đơn vị sản xuất thép hàng đầu tại Việt Nam. Trong đó tập trung sản xuất 2 mảng chính:

- ✓ Sản xuất phôi thép
- ✓ Sản xuất thép cán

Công ty sử dụng phương pháp luyện thép có giai đoạn sôi trong lò điện hồ quang bazit (EBT) công suất 25 tấn/mẻ và tinh luyện thép trong lò LF công suất 30 tấn/mẻ. Cán thép thổi nóng trực tiếp từ máy đúc liên tục, không nung thổi qua lò CNG mà chỉ nung qua lò cảm ứng khi cần gia nhiệt do đó tiết kiệm năng lượng.

CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT

Nhà máy: Công ty cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL

- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Năm thành lập: 1967
- Số lượng công nhân: 428 người
- Năng lực sản xuất: Quy mô sản xuất của Công ty với công suất khoảng 200.000 tấn/năm.

Sản lượng tiêu thụ qua các năm, thị phần của VCA

KHOẢN MỤC	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng đầu năm 2020	
	Sản lượng (Tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (Tấn)	Tỷ trọng (%)	Sản lượng (Tấn)	Tỷ trọng (%)
Sản xuất phôi thép	206.091	53,50%	181.322	53,02%	135.840	54,65%
Sản xuất thép cán	179.103	46,50%	160.680	46,98%	112.737	45,35%
Tổng cộng	385.194	100,00%	342.002	100,00%	248.577	100,00%
Thị phần	1,59%		1,36%		1,34%	

Thị trường tiêu thụ chủ yếu của Công ty tập trung các tỉnh phía Nam như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cần Thơ, ... ngoài ra sản phẩm của Công ty còn tiêu thụ ở Miền Trung (Nha Trang).

5.2. Cơ cấu doanh thu theo từng nhóm

Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng thành phẩm	2.499.938	99,51%	2.205.897	99,63%	1.571.041	99,70%
Doanh thu bán vật tư phế liệu	5.461	0,22%	4.268	0,19%	2.866	0,18%
Doanh thu khác	6.759	0,27%	3.884	0,18%	1.878	0,12%
Tổng cộng	2.512.158	100%	2.214.050	100%	1.575.785	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

Tỷ trọng lợi nhuận gộp của Công ty có sự tương đồng so với cơ cấu doanh thu:

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%) / DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%) / DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%) / DTT
Lợi nhuận gộp bán hàng thành phẩm	87.477	3,48%	85.694	3,87%	57.749	3,66%
Lợi nhuận gộp bán vật tư phế liệu	569	0,02%	-107	0,00%	1.003	0,06%
Lợi nhuận gộp khác	1.042	0,04%	3.902	0,18%	1.776	0,11%
Tổng cộng	89.088	3,55%	89.488	4,04%	60.528	3,84%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

Cơ cấu doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu đến từ hoạt động kinh doanh chính (các sản phẩm như Thép thanh, Thép cuộn, Phôi thép ...) chiếm lên đến 99,63% doanh thu năm 2019. Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty giảm 11,6% so với cùng kỳ chủ yếu là do sản

lượng 2019 giảm 11,21% so với cùng kỳ do ảnh hưởng thị trường chung tiêu thụ thép năm 2019 khó khăn, tuy nhiên do kiểm soát được chi phí, nguyên vật liệu đầu vào (thép phế liệu, chi phí điện) dẫn đến biên lợi nhuận gộp của Công ty năm 2019 được cải thiện từ 3,55% lên 4,21%.

5.3. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên vật liệu

Hiện nay, Công ty đang sử dụng phương pháp luyện thép có giai đoạn sôi trong lò điện hồ quang bazit (EBT) do đó cần cần nguồn nguyên vật liệu đầu vào như sau:

+ Thép phế liệu và gang, SiMn, vôi, than đá ... chủ yếu mua từ các đơn vị nhập khẩu thép phế liệu trong nước;

+ Than điện cực chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc.

+ Dòng điện tạo ra năng lượng của hồ quang điện làm nóng và đun chảy nguyên liệu

Một số đối tác thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty:

STT	Đối tác	Quốc gia	Hàng hóa
1	Cty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	Việt Nam	Gang Thỏi
2	Cty TNHH TM Thành Đạt	Việt Nam	Gang Thỏi
3	Cty TNHH Thép Huy Hoàng Gia	Việt Nam	Phế liệu
4	Cty CPTMDVXNK Hoàng Tấn Phát	Việt Nam	Phế liệu
5	Cty TNHH MTV TMDV Hoàng Phúc Ân	Việt Nam	Phế liệu
6	Cty CP HKS Gang Thép Thái Nguyên	Việt Nam	Silicon Mangan
7	Cty TNHH XNK Than Hùng Trọng	Việt Nam	Than đá
8	Cty TNHH ĐTTM VHS Việt Nam	Việt Nam	Vôi
9	CN HCM-Cty CP Matexim Hải Phòng	Việt Nam	Vôi
10	Cty CPTMDVXNK Sơn Thanh	Việt Nam	Vôi
11	Cty VLCL Nam Ứng	Việt Nam	Tấm lót Ngươi
12	Cty TĐLVCL Thái Nguyên	Việt Nam	Gạch chịu lửa
13	Liaoning Sincere Carbon New Material Co., LTD	Trung Quốc	Than Điện cực
14	Kingstone industry Co., Limited	Trung Quốc	Than Điện cực

b) Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Công ty thường xuyên tổ chức các Hội nghị gặp gỡ thường niên nhà cung cấp để tạo mối quan hệ và cập nhật thông tin tình hình diễn biến của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Do đó, trong hoạt động sản xuất của Công ty không xảy ra tình trạng bị đình trệ do thiếu nguyên liệu đầu vào.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018	Tỷ trọng (%)	Năm 2019	Tỷ trọng (%)	09 Tháng năm 2020	Tỷ trọng (%)
Giá vốn	2.423.070	100,00	2.124.561	100,00	1.515.257	100,00
- Giá vốn SXKD chính	2.412.461	99,56	2.120.063	99,79	1.513.292	99,87
+ NVL trực tiếp	2.223.566	91,77	1.925.865	90,65	1.360.903	89,81
+ Nhân công và sản xuất chung	188.896	7,80	194.198	9,14	152.388	10,06
- Giá vốn hàng hóa DV	10.609	0,44	4.499	0,21	1.965	0,13

Giá vốn hàng bán của Công ty chủ yếu đến từ các khoản mục như Thép phế liệu, chi phí nhân công, chi phí điện, chi phí than điện cực. Trong đó, chi phí nguyên vật liệu đầu vào Thép phế liệu chiếm từ 70% giá vốn hàng bán. Thép phế liệu của Công ty chủ yếu mua từ các đơn vị nhập khẩu thép phế liệu trong nước là những nhà cung cấp uy tín lâu năm. Tuy nhiên, Ngành công nghiệp xây dựng, chế tạo của Việt Nam mới phát triển trong những năm gần đây, nên lượng thép phế liệu trong nước không cao, chủ yếu nhập khẩu nước ngoài. Do đó, sự biến động giá của nguyên vật liệu sẽ tác động rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

5.4. Chi phí sản xuất

Bảng 7. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí trên doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		09 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)
1. Giá vốn hàng bán	2.423.070	96,45%	2.124.561	95,96%	1.515.257	96,16%
2. Chi phí tài chính	8.472	0,34%	14.247	0,64%	7.417	0,47%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>8.471</i>	<i>0,34%</i>	<i>14.039</i>	<i>0,63%</i>	<i>6.768</i>	<i>0,43%</i>
3. Chi phí QLDN	19.606	0,78%	22.072	1,00%	17.456	1,11%

4. Chi phí bán hàng (*)	21.314	0,85%	21.765	0,98%	16.474	1,05%
5. Chi phí khác	1.557	0,06%	1.066	0,05%	2	-
Tổng cộng	2.474.019	98,48%	2.183.711	98,63%	1.556.605	98,78%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý III 2020)

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng khá lớn luôn duy trì mức 96 – 97% cơ cấu doanh thu thuần. Trong năm 2019, Giá vốn hàng bán của Công ty chủ yếu các chi phí như (Thép phế liệu 69,98%, chi phí điện 10,47%, than điện cực 3,28% ... giá vốn hàng bán). Do đó, sự biến động của giá nguyên liệu đầu vào (thép phế liệu) tác động rất lớn đến lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2019, giá thép xây dựng trong nước có nhiều biến động với diễn biến giảm giá là chủ đạo. Đặc biệt là trong quý III và quý IV giá đã liên tục giảm, nhu cầu tiêu thụ thấp, trong khi đó giá phế liệu tăng rất nhanh nên gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng đạt mức sấp xỉ 1% doanh thu thuần và có xu hướng ổn định trong thời gian qua.

Tính tới 09 tháng đầu năm 2020, cơ cấu chi phí không quá nhiều biến động cụ thể chi phí giá vốn trên doanh thu thuần chiếm 96,16%. Bình quân 09 tháng đầu năm 2020, giá bán thép nội địa đã giảm xuống còn 10,9 triệu đồng/tấn (giảm 12,2% so với cùng kỳ) so với mức 12,4 triệu đồng/tấn trong 09 tháng năm 2019 và 12,0 triệu đồng/tấn trong năm 2019. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp toàn ngành trong 09 tháng năm 2020 vẫn tăng 2,5 điểm % so với cùng kỳ nhờ vào: Giá than cốc giảm xuống mức thấp nhất 4 năm, đạt 129 USD/tấn (giảm 31,9% so với cùng kỳ), Giá thép phế giảm 8,7% so với cùng kỳ xuống 270,6 USD/tấn (thép phế thường chiếm 50-60% tổng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp thép xây dựng sử dụng công nghệ lò hồ quang điện (EAF) như VICASA).

(*) **Thuyết minh tại Khoản mục 24. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:** Chi phí thương hiệu thép chữ “V” (năm 2019 đạt 7.511.053.053 và năm 2018 đạt 8.548.729.020). Công ty trả phí cho Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL để chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu thép /V/ lên sản phẩm của Công ty sản xuất và tiêu thụ, do đó chi phí này là chi phí quảng cáo sản phẩm thép /V/. Căn cứ theo hợp đồng số **01/HĐ/SSCV-VCS/2019** ngày **01/04/2019** và hợp đồng số **01/HĐ/SSCV-VCS/2018** ngày **26/03/2018** giữa Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL với Công ty TNHH Một Thành Viên Thép Miền Nam – VNSTEEL. Do đó, Chi phí này được hạch toán vào **“Chi phí bán hàng”**. Bên cạnh, các đơn vị liên quan

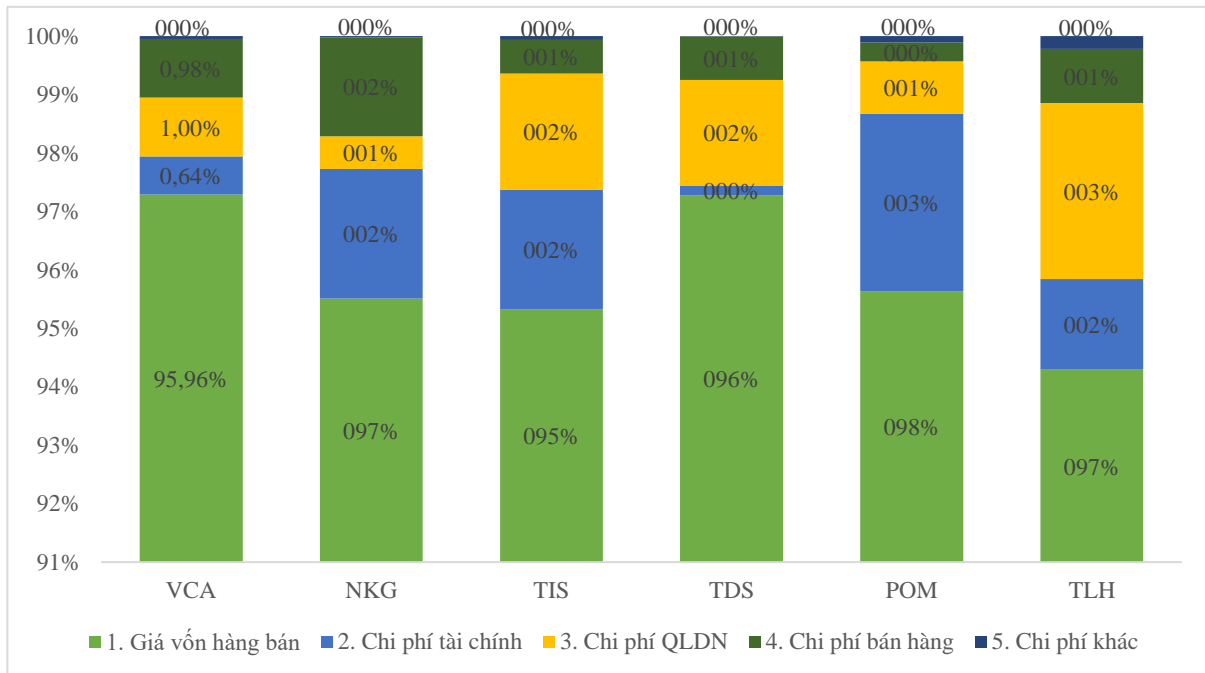
có giao dịch mua bán hàng hóa và dịch vụ được tham chiếu chi tiết Khoản 28 thì Thương hiệu thép chữ “V” cũng được ghi tại Khoản mục thuyết minh số **20. Giá vốn hàng bán**. Căn cứ Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chi phí sử dụng thương hiệu thép chữ “V” này được ghi nhận vào Chi phí bán hàng là hợp lý.

So sánh cơ cấu chi phí với các Công ty trong ngành:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	VCA		NKG		TIS		TDS		POM		TLH	
	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)	Giá trị	DTT (%)
1. Giá vốn hàng bán	2.124.561	95,96%	11.835.048	97,19%	9.920.752	95,09%	2.013.552	95,69%	11.785.995	98,26%	5.229.481	96,92%
2. Chi phí tài chính	14.247	0,64%	275.045	2,26%	212.552	2,04%	3.458	0,16%	374.201	3,12%	85.717	1,59%
<i>Chi phí lãi vay</i>	14.039	0,63%	237.063	1,95%	208.322	2,00%	3.065	0,15%	356.188	2,97%	82.020	1,52%
3. Chi phí QLDN	22.072	1,00%	68.681	0,56%	207.251	1,99%	37.342	1,77%	111.127	0,93%	167.066	3,10%
4. Chi phí bán hàng	21.765	0,98%	210.244	1,73%	59.745	0,57%	15.472	0,74%	39.413	0,33%	51.431	0,95%
5. Chi phí khác	1.066	0,05%	2.272	0,02%	6.708	0,06%	69	0,00%	13.432	0,11%	12.097	0,22%
Tổng cộng	2.183.711	98,63%	12.391.290	101,76%	10.407.007	99,75%	2.069.892	98,37%	12.324.167	102,74%	5.545.793	102,78%

Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2019 của Các Công ty



So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, CTCP Thép Vicasa – VNSTEEL có tỷ lệ Tổng chi phí trên doanh thu thuần thấp hơn so với trung bình ngành. Mặc dù, có chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu thuần (95,96% năm 2019). Với việc nhà máy sản xuất thép đi vào ổn định nên Công ty ít sử dụng nợ vay dẫn đến tỷ trọng chi phí tài chính chỉ chiếm 0,64% doanh thu, thấp hơn các doanh nghiệp khác cùng ngành như Nam Kim hay Thép Pomina. Với việc bán hàng thông qua các Công ty thành viên trong Tập đoàn Thép Việt Nam như Thép Miền Nam, Thép Nhà Bè ... chi phí bán hàng của Công ty chủ yếu là chi phí sử dụng thương hiệu thép chữ “V” chiếm 1% doanh thu thuần xấp xỉ các doanh nghiệp cùng ngành. Ngoài ra, Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty khá thấp đạt 1,00% so với mức trung bình ngành 1,56% trên doanh thu thuần.

Từ đó, có thể thấy CTCP Thép Vicasa – VNSTEEL có lợi thế so với các doanh nghiệp khác trong ngành về chi phí lãi vay và chi phí quản lý doanh nghiệp, tuy nhiên việc giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn so với các doanh nghiệp cùng ngành điều này dẫn tới lợi thế chi phí của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào tình hình giá nhập nguyên vật liệu (thép phế liệu, chi phí điện, các nguyên liệu khác ...).

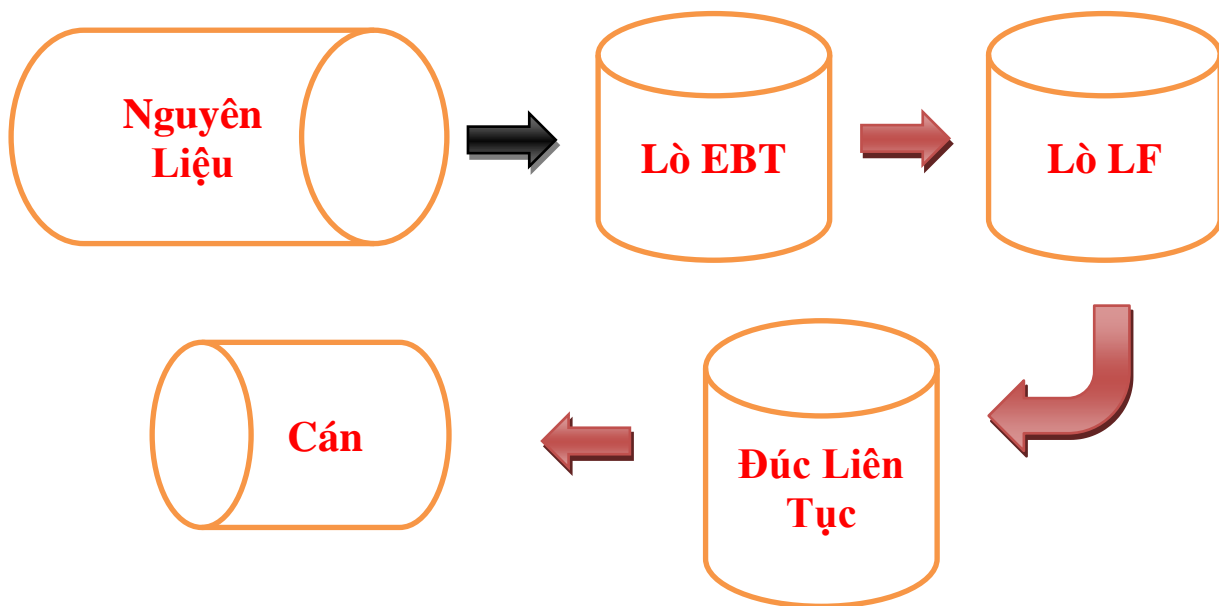
5.5. Trình độ công nghệ

Hầu hết công nghệ dây chuyền sản xuất, chế tạo sản phẩm được Công ty đầu tư là các thế hệ công nghệ trung bình của thế giới và khu vực. Việc sử dụng thiết bị tự động hóa trong sản xuất

đã làm cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt hơn, ít hao tổn nguyên vật liệu, sử dụng ít lao động, tiết kiệm chi phí nhân công, giảm tỷ lệ sai hỏng và lỗi trong quá trình sản xuất.

Quy trình sản xuất:

Bằng công nghệ cán thỏi nóng trực tiếp từ đúc liên tục, với quy trình khép kín: đầu vào là sắt thép phế liệu, đầu ra là sản phẩm thép cán và kiểm soát nghiêm ngặt từng khâu trong dây chuyền. Công ty sản xuất và cung cấp cho thị trường các loại sản phẩm thép tròn cán nóng dạng thanh và dạng cuộn có qui cách từ 5,5 mm đến 32 mm, đảm bảo chất lượng theo TCVN, JIS, ASTM, BS... cũng như đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng. Quy trình sản xuất của Công ty có thể tóm tắt theo sơ đồ sau:



Trình độ Công nghệ:

Thiết bị trong dây chuyền sản xuất, sau quá trình đầu tư là các thế hệ công nghệ trung bình của thế giới để sản xuất các mức thép chất lượng như: lò điện hồ quang (EBT) dung tích 25 tấn/mẻ có tường lò và nắp lò làm nguội bằng nước phun “Spray cool” theo công nghệ Mỹ, chế tạo tại Đài Loan. Đồng bộ với lò tinh luyện thép (LF) dung tích 30 tấn/mẻ, máy đúc liên tục bán kính $R = 5,25$, bố trí liên hoàn với dàn cán tự động gồm: 06 máy cán thô hàng dọc (H-V-H-V-H-H), 10 máy cán trung hàng dọc, máy cán hoàn tất H-V, máy cán Blook mill tự động hóa, trang bị năm 2004 bởi ITALIA. Ngoài ra còn có các công trình phụ trợ phục vụ dây chuyền như máy

cắt băm liệu công suất 16 tấn/h, hệ thống xử lý khí thải với hai quạt hút công suất 800.000 m³/h, trạm oxy 800 m³/h, máy phân tích quang phổ, máy đo cơ tính... Công suất đạt 220.000 tấn thỏi/năm, 200.000 tấn thép cán/năm. Các sản phẩm của Công ty đang có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành nhờ vào dây chuyền sản xuất đồng bộ, khẳng định được tên tuổi và uy tín trên thị trường. Dây chuyền sản xuất của Công ty là dây chuyền tự động và được khép kín, từ nguyên vật liệu đầu vào đến khi ra thành phẩm. Việc sử dụng thiết bị tự động hóa trong sản xuất đã làm cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt hơn, ít hao tổn nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí nhân công, giảm tỉ lệ sai hỏng và lỗi trong quá trình sản xuất.

5.6. Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Hiện nay, Công ty đang tiến hành nghiên cứu sản xuất các mác thép dùng chế tạo chi tiết. Cụ thể, sản phẩm thép kéo dây, thép que hàn, thép Bulong, thép thanh tròn không mang logo thương hiệu thép chữ “V”.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thép VICASA -VNSTEEL đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 do tổ chức Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT chứng nhận. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 được Công ty thực hiện một cách nghiêm ngặt, thống nhất. Toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty được quản lý chặt chẽ từ lúc đưa nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi ra thành phẩm và cung ứng cho người tiêu dùng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Hoạt động của Công ty được đánh giá dựa trên nguyên tắc “Lợi nhuận tạo ra do giảm chi phí và tăng doanh thu”. Để thực hiện mô hình này, Công ty đã hoàn thiện chính sách chất lượng theo những chương trình hoạt động cụ thể như sau:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn đã công bố, đa dạng hóa sản phẩm, thỏa mãn yêu cầu và làm hài lòng khách hàng.
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, thân thiện để mọi thành viên tin tưởng, hỗ trợ, thích thú – hạnh phúc làm việc.

- Đầu tư phát triển mọi nguồn lực, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất hiện đại.
- Khuyến khích và trân trọng mọi thành viên phát huy sáng kiến để đổi mới, cải tiến, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tiêu chí hoạt động của công ty là: “Không ngừng cải tiến”.

Đảm bảo thực hiện tốt công tác đào tạo đội ngũ nhân viên, để nhân viên có đủ năng lực và kỹ năng cần thiết nhằm thực hiện tốt công việc được giao. Công ty luôn tìm kiếm cơ hội cải tiến chất lượng dịch vụ cung ứng, hướng đến các tiêu chí: an toàn, chính xác và hiệu quả. Sự phát triển bền vững của Công ty luôn gắn với lợi ích của khách hàng, không ngừng nâng cao lợi ích cho cán bộ công nhân viên và cho cổ đông. Ngoài ra, Công ty đang dự định thực hiện đầu tư trang bị, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại.

Quy trình kiểm tra chất lượng

STT	Công đoạn kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Yêu cầu
Bước 1:	Kiểm tra trong quá trình nấu luyện phôi thép	- Thành phần hoá học các nguyên tố trong thép: C, Mn, Si, P, S, Cr, Ni, Cu...	Đạt yêu cầu về thành phần hoá học theo các tiêu chuẩn công bố.
Bước 2:	Kiểm tra bán thành phẩm phôi thép	- Chiều dài phôi, khuyết tật bề mặt phôi đúc	Đạt yêu cầu theo lệnh sản xuất và các tiêu chuẩn nội bộ.
Bước 3:	Kiểm tra trong quá trình sản xuất thép cán	- Chiều dài, khuyết tật bề mặt của thép cán thành phẩm, đơn trọng, độ Ovan...	Đạt yêu cầu theo lệnh sản xuất và các tiêu chuẩn đã công bố.
Bước 4:	Kiểm tra thành phẩm thép cán	- Các chỉ tiêu cơ lý tính của thép cán thành phẩm: Giới hạn chảy, giới hạn bền, độ giãn dài, đơn trọng, độ Ovan...	Đạt yêu cầu về tính chất cơ học theo các tiêu chuẩn công bố.

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Công ty luôn đề ra mục tiêu thỏa mãn nhu cầu của khách hàng làm phương châm hoạt động của mình. Do vậy, tất cả các sản phẩm trước khi giao cho khách hàng được kiểm soát theo quy trình nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn đã công bố. Công ty cũng thành lập bộ phận Quản lý chất lượng để kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi kết thúc quy trình sản xuất và cung cấp sản phẩm ra thị trường bằng việc đo lường bởi các thiết bị đo lường tiêu chuẩn, nhận dạng dấu hiệu sản phẩm đặc thù (các thông tin mô tả đặc tính của sản phẩm), bản chứng nhận chất lượng sản phẩm. Vì thế, tất cả các sản phẩm của Công ty khi đến tay khách hàng luôn đảm bảo về chất lượng và được khách hàng tin cậy.

5.8. Hoạt động Marketing

- Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước (Khu vực TP Hồ Chí Minh, Nha Trang, Long An, Cần Thơ...) thông qua Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (tiêu thụ hơn 90% sản lượng của Thép VICASA – VNSTEEL). Do đó, Công ty chủ yếu chi trả phí thương hiệu theo chữ “V” để Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL thực hiện hoạt động Marketing.
- Ngoài ra Công ty còn xuất khẩu trực tiếp cho Công ty Chip Mong Group., Ltd Campuchia. Hoạt động Marketing chủ yếu của Công ty tập trung vào các khách hàng lớn. Trong đó giới thiệu các sản phẩm mới bằng cách tập trung vào chất lượng sản phẩm trên từng đơn hàng là phương châm Marketing của Công ty.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của công ty



Logo của Công ty đã được Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thương mại tại Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và công nghệ với thời hạn bảo hộ đến năm 2027 và Công ty không trả phí việc sử dụng logo này.



Tầm Nhìn

VICASA là Công ty sản xuất thép đạt hiệu quả cao và phát triển bền vững.

Sứ Mệnh

VICASA góp phần xây dựng thép /V/ là thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.

Thông tin sử dụng nhãn hiệu thương mại thép chữ “V”:

STT	Tên đối tượng	Số GCN ĐKNH	Ngày cấp	Nhóm sản phẩm
1		39690	14/01/2002	Nhóm 06: Thép cán các loại
2		121840	27/03/2009	Nhóm 06: Thép

Thông tin chi phí sử dụng thương hiệu thép chữ “V”

Hình thức chuyển giao: Chuyển giao độc quyền

- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL chuyển giao cho CTCP Thép VICASA – VNSTELL quyền sử dụng nhãn hiệu cho sản phẩm được đăng ký theo Giấy chứng nhận số 39690 và số 121840 nêu trên.

- CTCP Thép VICASA – VNSTELL không có quyền chuyển giao nhãn hiệu sử dụng cho bên thứ ba.

Phạm vi lãnh thổ chuyển giao: Tại Việt Nam và xuất khẩu

Phí chuyển giao:

Đơn giá phí chuyển giao: 49.000 đồng/tấn (bằng chữ: Bốn mươi chín nghìn đồng) sản phẩm thép mang nhãn hiệu (Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT, thuế suất VAT sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm).

Thời gian chuyển giao: Theo hợp đồng ký hàng năm

5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2020

Bảng 8. Danh sách các hợp đồng bán mua bán hàng

STT	Tên khách hàng VCA bán hàng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hết hạn hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VND)	Nội dung (Hàng hóa)
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	02/01/2020	31/12/2020	210.000.000.000	Hợp đồng nguyên tắc mua bán thép trả chậm
2	Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL	05/01/2020	31/12/2020	Theo đơn đặt hàng từng thời điểm	Hợp đồng nguyên tắc mua bán Phôi thép
3	Công ty Chip Mong Group., Ltd	02/01/2020	31/12/2020	Theo đơn đặt hàng từng thời điểm	Mua bán Thép cán
4	Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	14/01/2020	29/02/2020	33.165.000.000	Hợp đồng mua bán Phôi thép
5	Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	20/07/2020	29/08/2020	51.040.000.000	Hợp đồng mua bán Phôi thép

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

STT	Tên khách hàng VCA mua hàng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hết hạn hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VND)	Nội dung (Hàng hóa)
1	Công ty TNHH Thép Huy Hoàng Gia	01/01/2020	31/12/2020	Theo đơn hàng và phụ lục hợp đồng từng thời điểm.	Mua Thép phế liệu.
2	Công ty CP TMDV XNK Hoàng Tấn Phát	01/01/2020	31/12/2020	Theo đơn hàng và phụ lục hợp đồng từng thời điểm.	Mua Thép phế liệu.

STT	Tên khách hàng VCA mua hàng	Ngày ký hợp đồng	Ngày hết hạn hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VND)	Nội dung (Hàng hóa)
3	Công ty TNHH MTV TMDV Hoàng Phúc Ân	01/01/2020	31/12/2020	Theo đơn hàng và phụ lục hợp đồng từng thời điểm.	Mua Thép phế liệu.
4	Công ty TNHH MTV đầu tư và XNK Kim Phát Lộc	01/01/2020	31/12/2020	Theo đơn hàng và phụ lục hợp đồng từng thời điểm.	Mua Thép phế liệu.
5	Công ty TNHH Tân An	02/01/2020	31/12/2020	Theo báo giá và phụ lục hợp đồng từng thời điểm.	Mua Ferro, Silicon, Than điện.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 9. Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2019 và 09 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng giảm (%)	9 tháng đầu năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	611.006	507.438	-16,95%	319.589
2	Vốn chủ sở hữu	249.823	226.121	-9,49%	216.989
3	Doanh thu thuần	2.512.158	2.214.050	-11,87%	1.575.785
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.931	31.719	-22,51%	20.185
5	Lợi nhuận khác	-788	40	-	402
6	Lợi nhuận trước thuế	40.142	31.759	-20,88%	20.587
7	Lợi nhuận sau thuế	32.097	25.294	-21,20%	16.549
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	141,95%	90,07%	-	-
9	ROE (Tỷ suất sinh lợi trên VCSH BQ)	12,36%	10,63%	-	7,47%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

Năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2019 đạt 2.214 tỷ đồng giảm 11,87% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế 25 tỷ đồng giảm 21,20% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường bất động sản trong nước khá ảm đạm do các dự án đầu tư trọng điểm quốc gia ngừng trệ, các dự án mới không triển khai. Bên cạnh đó, sự tham gia của 4 nhà máy mới: Hòa Phát - Dung Quốc, An Hưng Tường - Nghi Sơn, TungHo, Đông Nam Á khiến cho cuộc cạnh tranh về giá để giành thị phần diễn ra ngày càng gay gắt và khốc liệt. Thép Hòa Phát với quy mô sản lượng lớn và đã áp dụng chính sách giá bán thấp với mục đích thâm nhập lấn chiếm dần vào thị trường phía Nam, đặc biệt là thị trường Miền Tây, gây áp lực lớn đến thị trường tiêu thụ chính của thép /V/. Bên cạnh đó, trong năm 2019 Công ty An Hưng Tường đã đưa vào vận hành nhà máy 500.000 tấn/năm ở Bình Dương, Thép Đông Nam Á đầu tư thêm dây chuyền cán và lò trung tần nâng công suất thêm 500.000 tấn/năm. Sản phẩm chủ lực của 2 Công ty này là thép dân dụng CB300 và thép cuộn là các sản phẩm truyền thống và thế mạnh của Công ty. Ở các thị trường miền Tây và khu vực TP. HCM, An Hưng Tường tiêu thụ trên 13.000 tấn/tháng, Thép Đông Nam Á tiêu thụ trên 7.000 tấn/tháng. Chính vì vậy áp lực cạnh tranh để tiêu thụ sản phẩm của Công ty là rất lớn. Mặc dù, tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng trong 09 tháng đầu năm Công ty đạt doanh thu 1.576 tỷ đồng chiếm 71,17% so với năm 2019, lợi nhuận sau thuế đạt 16,5 tỷ đồng chiếm 65,43% so với năm 2019. Tổng tài sản tại ngày 30/09/2020 đạt 320 tỷ đồng giảm 37,02% so với đầu năm, nguyên nhân chủ yếu do tới thời điểm thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn tài trợ cho hàng tồn kho. Bên cạnh đó, trong kỳ việc quản lý lưu chuyển hàng tồn kho tốt giúp Công ty giảm thời gian các khoản vay ngắn hạn.

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.

Thuận lợi

- Thị trường xây dựng trong nước tăng trưởng nhờ vào nguồn vốn FDI tiếp tục tăng mạnh, nhu cầu xây dựng Cơ sở hạ tầng tăng trưởng mạnh trong những năm qua. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế ổn định, tốc độ đô thị hóa gia tăng, thị trường xây dựng tại Campuchia phát triển mạnh nên lượng xuất khẩu sang thị trường này tăng mạnh góp phần vào kết quả chung của thép /V/.
- Bộ máy tổ chức của Công ty luôn được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn thực hiện tốt nhiệm vụ. Thiết bị công nghệ từng bước được đầu tư nâng cấp, trình độ tay nghề của đội ngũ CBCNV luôn được phát huy tốt đã sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, được thị trường ngày càng tin dùng, góp sức cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu thép /V/, Thép Miền Nam.

Khó khăn

- **Thị trường thép thế giới:** Thị trường xuất khẩu đang khó khăn do các quốc gia đang trong giai đoạn đóng cửa bởi Covid 19, sự gián đoạn chuỗi cung ứng đang diễn ra và nhiều nguyên liệu cạnh tranh. Các quốc gia có khả năng tạo ra nhu cầu trong nước tốt sẽ có giá tốt hơn nhiều. Về vấn đề này, Trung Quốc đang ở vị thế mạnh, được hỗ trợ bởi sự nở rộ tín dụng.
- **Thị trường thép trong nước:** Thị trường thép trong nước vẫn khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào tăng trong khi giá thép bán ra giảm. Giá phôi thép giảm mạnh do bị chi phối bởi giá bán thấp của Formosa. Sự gia tăng quản lý của cơ quan Nhà nước trong việc nhập khẩu sắt phế liệu làm cho nguồn cung hạn chế. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cơ chế thị trường gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt hơn. Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán của các nhà sản xuất thép trong nước (nhiều nhà cung cấp đưa sản phẩm ra thị trường với giá thấp để chiếm thị phần), đặc biệt là các đơn vị sản xuất thép từ quặng và sản xuất thép từ lò trung tần với chi phí sản xuất thấp đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá của một số vật tư nguyên liệu chủ yếu như thép vụn, điện cực và hợp kim luôn biến động gây nhiều khó khăn trong công tác thu mua và dự trữ hàng tồn kho.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

So sánh trong ngành:

- Quy mô sản xuất của Công ty nằm trong nhóm có sản lượng nhỏ, công suất ~200.000T/năm.
- Trình độ thiết bị-công nghệ: Trung bình.
- Lực lượng lao động còn cao: 428 người.
- Các chỉ tiêu tiêu hao kinh tế kỹ thuật: Khá.
- Đa dạng mặt hàng ngành thép như phát triển các sản phẩm mới như thép kéo dây, thép que hàn, thép Bulong, thép thanh tron.

Thuận lợi:

- Vicasa có bề dày lịch sử phát triển từ 1967 và liên tục được đầu tư phát triển đến nay; là một trong những Công ty sản xuất thương hiệu Thép chữ /V/ của Tổng Công ty Thép Việt Nam, sản phẩm hiện chiếm trên 10% thị phần cả nước.
- Công ty đã từng bước nâng cấp thiết bị, công nghệ có trọng điểm, khắc phục các tồn tại trong dây chuyền, gia tăng tính cạnh tranh về hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Các chỉ

tiêu tiêu hao kinh tế- kỹ thuật hiện đã tiệm cận được mức tiên tiến trong ngành. Các chỉ số tài chính đạt khá tốt so với các đối thủ trong ngành.

- Dây chuyền đúc liên tục - cán không qua lò nung tiết kiệm đáng kể suất tiêu hao năng lượng, giảm chi phí sản xuất.
- Đầu tư cho xử lý khí thải, nước, chất thải rắn hoàn chỉnh, đáp ứng đầy đủ yêu cầu môi trường.
- Nguyên vật liệu chính (sắt thép vụn), đầu vào cho sản xuất được mua 100% trong nước, ít chịu rủi ro do biến động giá, tỷ giá và chủ động điều tiết nhanh tồn kho.
- Sản phẩm đa dạng: Có thể sản xuất thương mại các chủng loại thép phục vụ chuyên ngành; như thép trơn, thép phục vụ ngành hàn (thép sản xuất dây hàn, que hàn), thép kéo dây mạ kẽm, thép dập đinh, boulon, thép dự ứng lực và các chủng loại thép hợp kim thấp độ bền cao. Đây cũng là thế mạnh có thể tạo khác biệt phát triển cho thị trường mục tiêu trong tương lai.

Khó khăn:

- Trình độ thiết bị công nghệ mặc dù liên tục có đầu tư, nâng cấp nhưng cũng chỉ ở mức trung bình.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhìn chung, cơ hội đầu tư đến từ các doanh nghiệp đầu ngành mảng thép dài tại các quốc gia đang phát triển với nhu cầu xây dựng trong nước còn rất lớn và các doanh nghiệp đầu ngành thép dẹt tại các quốc gia đã phát triển với động lực tăng trưởng đến từ nhu cầu thép dẹt cho ô tô, máy móc và xuất khẩu sang các quốc gia đang phát triển.

Tại Việt Nam mức tiêu thụ thép bình quân đầu người vẫn còn rất thấp, thu nhập bình quân đầu người đang tăng dần và đáng chú ý là nhu cầu xây dựng vẫn còn rất lớn sẽ giúp phát triển mạnh mẽ ngành thép dài. Năm 2021 sẽ là năm đầu trong việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2021 – 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn năm 2021 – 2025. Do đó, ngành vật liệu xây dựng sẽ là ngành được hưởng lợi lớn nhất từ kế hoạch đầu tư công phát triển mạnh mẽ cơ sở hạ tầng từ năm 2021. Dự án cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ và 11 dự án thành phần cao tốc Bắc Nam sẽ được giải ngân trong năm 2021 là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, sự phát triển cơ sở hạ tầng phía Nam sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng nhà ở dân dụng phát triển nhanh.

Với thương hiệu và uy tín lâu năm thép chữ “V” đã góp phần thực hiện các công trình lớn như: Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, Cầu Phú Mỹ, Hàm Hải Vân, Hàm Thủ Thiêm ... Do đó, việc đẩy mạnh đầu tư công đem lại cơ hội lớn cho Tổng Công ty Thép Việt Nam và trong đó một phần sản lượng do VICASA sản xuất.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Đơn vị tính: Triệu đồng

T T	Công ty	Mã CK	Vốn chủ sở hữu		Tổng tài sản		Doanh thu thuần		Lợi nhuận gộp 2019		Lợi nhuận gộp 09 tháng đầu năm 2020	
			31/12/2019	30/09/2020	31/12/2019	30/09/2020	31/12/2019	30/09/2020	Giá trị	Tỷ suất LNG (%)	Giá trị	Tỷ suất LNG (%)
1	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	3.016.814	3.078.764	8.064.358	8.226.521	12.176.797	8.141.531	341.749	2,81%	561.752	6,90%
2	Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	TIS	1.912.485	1.920.748	9.504.322	9.306.045	10.433.299	7.009.438	512.547	4,91%	327.902	4,68%
3	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	TDS	273.195	263.894	480.441	397.915	2.104.216	1.561.326	90.664	4,31%	56.069	3,59%
4	Công ty Cổ phần Thép Pomina	POM	3.494.547	3.371.239	11.798.755	10.952.381	11.995.019	7.275.237	209.025	1,74%	276.589	3,80%
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên	TLH	1.461.661	1.405.236	3.573.469	2.904.919	5.395.541	2.861.412	166.060	3,08%	126.394	4,42%
	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	VCA	226.121	216.989	507.438	319.589	2.214.049	1.575.785	89.488	4,04%	60.528	3,84%

Tổng hợp từ BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC Quý III năm 2020 của Các Công ty

So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, CTCP Thép VICASA – VNSTEEL doanh nghiệp có quy mô doanh thu khiêm tốn trong ngành. Bên cạnh đó, tỷ suất sinh lợi gộp của Công ty có xu hướng bằng trung bình ngành.

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển ngành thép Việt Nam:

a. Mục tiêu tổng quát :

Phát triển ngành Thép Việt Nam đáp ứng đủ nhu cầu các sản phẩm thép cho nền kinh tế quốc dân, đảm bảo thị trường tiêu thụ trong nước ổn định và xuất khẩu. Phát triển ngành thép bền vững và đảm bảo thân thiện với môi trường.

b. Quy mô sản lượng dự báo:

- Sản xuất phôi thép (từ gang, sắt xộp và thép phế liệu): Năm 2020 đạt khoảng 25 triệu tấn; năm 2025 đạt khoảng 40 triệu tấn.
- Sản xuất thép thành phẩm: Năm 2020 đạt khoảng 23 triệu tấn, năm 2025 đạt khoảng 39 triệu tấn. Phát triển cân đối giữa sản phẩm thép dài và thép dẹt.
- Tăng dần tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm thép các loại. Năm 2020 khoảng 20% và năm 2025 khoảng 25% so với sản lượng.
- Giảm dần tỷ lệ nhập khẩu sản phẩm thép các loại: Năm 2020 khoảng 25% và năm 2025 khoảng 15% so với nhu cầu tiêu thụ trong nước.

c. Dự báo nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thép (gồm thép thanh, cuộn, hình, cuộn cán nóng, cuộn cán nguội, thép ống) trong nước đến năm 2020, có xét đến năm 2025.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025
Tiêu thụ thép /người (kg)	156	176	252	373
Tổng nhu cầu tiêu thụ thép trong nước (triệu tấn)	14	16	24	37

(Nguồn: Trích dẫn Quyết định Quy hoạch ngành thép số 694/QĐ-BCT của Bộ Công thương)

d. Chính sách nhà nước liên quan đến ngành:

Tăng trưởng ngành trong những năm qua rất mạnh, liên tục trong các năm từ 2015-2019 tăng trưởng bình quân từ 11-14%. Ngành thép được coi là ngành được xã hội hóa mạnh

mẽ nhất. Đến nay Việt Nam đã tự chủ hoàn toàn phôi thép và đã tham gia xuất khẩu với tỷ lệ ngày càng nhiều.

Việt Nam hiện nay vẫn là nước đang phát triển. Nhu cầu về nhà ở, bất động sản, xây dựng hạ tầng giao thông, công nghiệp ô tô, thiết bị dân dụng, chế tạo cơ khí ... vẫn tiếp tục tăng, nhu cầu thép theo dự báo ở mức 8-10%. Chính sách nhà nước vẫn ưu tiên tạo điều kiện cho ngành công nghiệp nội địa, ngành thép nội địa phát triển ổn định, bền vững song song với việc tái cơ cấu ngành, điều chỉnh quy hoạch chung.

e. Xu hướng chung trên thế giới:

Theo Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel) dự báo nhu cầu thép toàn cầu sẽ giảm 6,4% trong năm 2020 do bị tác động trực tiếp bởi Covid-19, và sẽ chỉ hồi phục vào năm 2021.

Tính đến tháng 07 năm 2020, mức độ phục hồi của Trung Quốc về mặt kinh tế và thị trường thép đã được đưa ra bởi nước này trở thành nước nhập khẩu ròng thép lần đầu tiên sau 11 năm trong tháng 6. Những lý do cho điều này có hai mặt: ngành công nghiệp Trung Quốc đã quay trở lại cuộc sống sau Covid, được thúc đẩy bởi tín dụng giá rẻ, sự kích thích và nhu cầu bị dồn nén; trong khi các thị trường bên ngoài Trung Quốc vẫn đang dần tăng tốc trở lại. Việc nới lỏng tín dụng của Trung Quốc trong nửa đầu năm 2020 đã thúc đẩy nhu cầu từ cơ sở hạ tầng và bất động sản, cho phép duy trì tồn kho cao và mua nhiều hơn với dự đoán về sự cải thiện hơn nữa trong nửa cuối năm.

Tại Mỹ, đại dịch khiến sản xuất sụt giảm nghiêm trọng, chạm mức thấp kỷ lục trong quý II/2020. Giá dầu giảm càng gây sức ép lên đầu tư trong lĩnh vực năng lượng – vốn đã khó khăn kể cả trước khi xảy ra dịch Covid-19. Tỷ lệ thất nghiệp tăng dẫn đến thu nhập và niềm tin tiêu dùng giảm sút, ảnh hưởng tới lĩnh vực xây dựng nhà ở. Trong khi lĩnh vực xây dựng phi dân cư tăng cho đến thời điểm hiện tại vẫn trường tương đối ổn định, song dự báo sẽ suy giảm trong cả năm 2020 và chỉ hồi phục nhẹ vào năm 2021.

Nhu cầu thép của Nhật Bản đã suy yếu từ cuối năm 2019, dự báo sẽ khó khăn hơn nữa trong năm 2020 do xuất khẩu giảm và đầu tư trì trệ trong các lĩnh vực ô tô và máy móc. Kể cả lĩnh vực xây dựng dự báo cũng sẽ suy yếu, nhưng mức độ giảm không nhiều vì một số công trình xây dựng công cộng vẫn tiếp tục được triển khai.

Các ngành sử dụng nhiều thép ở Hàn Quốc dự báo cũng sẽ giảm 2 con số do thị trường xuất khẩu sụt giảm và kinh tế trong nước yếu đi. Ngành đóng tàu dự báo sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất, trong khi hoạt động xây dựng sẽ chỉ giảm nhẹ nhờ các dự án cơ sở hạ tầng công cộng.

Các nước ASEAN bị ảnh hưởng nặng nề bởi Trung Quốc phong tỏa toàn quốc, sau đó tiếp tục bị ảnh hưởng do chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Tuy nhiên, một số dự án cơ sở hạ tầng vẫn tiếp tục được thực hiện đã làm giảm bớt mức độ ảnh hưởng tới ngành thép. Thị trường Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng nhờ kiểm soát tốt dịch Covid-19, sau đó nhu cầu trong năm 2021 dự báo sẽ tăng nhờ chính sách tập trung đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Định hướng phát triển của Công ty:

Tuy với quy mô nhỏ (200.000 tấn/năm), nhưng các năm qua nhờ liên tục được đầu tư, cải tiến trọng điểm thiết bị và công nghệ, Công ty luôn đạt được tăng trưởng và hiệu quả tốt. Năm 2019 đã hoàn tất đầu tư phần cán thô, đồng bộ cả dây chuyền sản xuất luyện-cán liên tục sau nhiều năm thực hiện đầu tư từng phần. Trong những năm tới, cùng với việc phát huy đầu tư sản xuất thép xây dựng, Công ty sẽ sản xuất thương mại các sản phẩm thép chuyên ngành hàn, dự ứng lực...

Về kế hoạch phát triển dài hạn: Công ty lập kế hoạch dài hạn dựa trên Dự án di dời và chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 (Dự kiến thực hiện năm 2022-2025 tuy nhiên đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức), cùng với lộ trình tái cơ cấu của Tổng Công ty Thép Việt Nam, các quy định của Nhà nước về quy hoạch ngành. Từ đó, Công ty đang xem xét tổng thể về địa điểm, quy mô sản xuất, chủng loại sản phẩm trên cơ sở tiềm năng, nguồn lực để có thể tiếp tục duy trì phát triển phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành thép.

Cập nhật tình hình di dời nhà máy đến thời điểm hiện nay:

Ngày 22 tháng 02 năm 2012, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chuyển đổi khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu Đô thị - Thương mại - Dịch vụ tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa. Do công ty có nhà máy thuộc phạm vi quy hoạch của UBND tỉnh Đồng Nai nên công ty phải di dời nhà máy ra khỏi khu công nghiệp Biên Hòa 1. Hội đồng Quản trị Công ty chủ trương di dời công ty về khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, huyện Nhơn Phú, tỉnh Đồng Nai và đã được Tổng công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần chấp nhận theo Công văn số 51/VNS-HĐQT ngày 12 tháng 01 năm 2015. Tuy nhiên theo Công văn số 374/KCNĐN-QHXH ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai, tiến độ di dời của Công ty thuộc giai đoạn 3 từ năm 2022 đến năm 2025.

Vì vậy Công ty đã dùng chủ trương di dời nhà máy về Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II và đang xem xét lại kế hoạch di dời nhà máy cho phù hợp với tình hình thực tế, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có kế hoạch cụ thể.

Ngày 05/08/2020, Công ty Vicasa đã ký Quyết định số 167/QĐ-VCS V/v: Thành lập Ban Nghiên cứu đầu tư phát triển Công ty kết hợp di dời, chuyển đổi công năng KCN Biên Hòa I. Việc di dời nhà máy ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, việc di dời Công ty phải thực hiện theo chủ trương của Nhà Nước, Tổng Công ty, các cơ quan quản lý hữu quan chấp thuận, đây vừa là cơ hội, thách thức lớn trong giai đoạn chuyển mình phát triển mới của Công ty.

8. Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động.

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2020 tổng số CBCNV toàn Công ty là: 428 lao động, cụ thể:

Bảng 10. Số lượng lao động của Công ty

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trình độ trên Đại học	2	0,47%
2	Trình độ Đại học	85	19,86%
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	278	64,96%
4	Lao động phổ thông	63	14,71%
	Tổng cộng	428	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

8.2. Chính sách lao động

- **Chính sách tuyển dụng**

Công ty thực hiện theo Quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động và luân chuyển cán bộ của Công ty. Thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy tổ chức và nhân sự, hiện tại Công ty tập trung tuyển dụng những lao động trẻ, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, có sức khỏe để thay thế những lao động trực tiếp sản xuất đã lớn tuổi chuẩn bị nghỉ hưu.

- **Chính sách đào tạo**

Hiện nay, Công ty đang đẩy mạnh công tác đào tạo để cải thiện hệ thống quản trị của Công ty theo hướng hiện đại. Tập trung đào tạo nâng cao kỹ năng cho cán bộ quản lý như: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý công việc, kỹ năng giao tiếp, đánh giá theo mục tiêu, quản trị sản xuất... Nâng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các bộ phận chuyên môn như: quản lý kho bãi, kinh doanh, xuất nhập khẩu, dự báo thị trường, marketing... Bên cạnh đó, Công ty đang tập trung chuẩn hóa các quy trình và tài liệu đào tạo nâng bậc cho công nhân, triển khai xây dựng hướng dẫn công việc và hệ thống thành tài liệu đào tạo cho Công ty.

- ***Chế độ làm việc.***

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Cụ thể như sau:

- Đối với lao động quản lý khối văn phòng: Tuần làm việc 40 giờ. Ngày nghỉ cố định hằng tuần là Thứ bảy và Chủ nhật.
 - Đối với lao động phục vụ khối văn phòng: Tuần làm việc 48 giờ. Ngày nghỉ cố định hằng tuần là ngày Chủ nhật. Công ty khuyến khích các đơn vị trong Công ty chủ động bố trí nhân sự để lao động phục vụ có thể được nghỉ thêm vào ngày thứ Bảy và thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần.
 - Đối với các phân xưởng: Làm việc theo chế độ 3 ca. Trường hợp do đặc thù công việc không thể nghỉ hằng tuần, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm cho người lao động được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.
- ***Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty***
 - Thực hiện theo các quy định của Nhà nước và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty như: Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước, Quy chế phân phối tiền lương và tiền thưởng của Công ty.
 - Đối với tiền lương của Người lao động: Trả lương theo sản phẩm. Hàng năm, Công ty xây dựng định mức lao động, quỹ tiền lương kế hoạch để xây dựng đơn giá tiền lương theo sản phẩm để trả cho người lao động. Cuối năm quyết toán tiền lương của Người lao động theo quy định của Nhà nước.
 - Đối với lao động quản lý: Chi trả theo tiền lương kế hoạch được xây dựng từ năm, cuối năm sẽ quyết toán lại theo kết quả lợi nhuận đạt được trong năm theo đúng quy định của Nhà nước.

Chính sách phúc lợi khác

Thực hiện mục tiêu “Làm việc để hạnh phúc, hạnh phúc khi làm việc tại VICASA”, Công ty luôn quan tâm cải thiện các chế độ phúc lợi cho Người lao động. Trong năm 2019, Công ty

thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động tiêu biểu như sau: Chi mừng sinh nhật: 500.000 đồng/người; chi quà tết Trung Thu: 1.000.000 đồng/người; nghỉ mát: 8.000.000 đồng/người; quà Tết Nguyên Đán: 2.000.000 đồng/người; mua bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV bình quân 2.600.000 đồng/người/năm; trang bị đồng phục cho người lao động: 5.000.000 đồng/người/năm; tặng quà cho CBCNV là con của thương binh liệt sỹ nhân ngày 27/7; tặng quà cho CBCNV đã từng tham gia quân đội nhân ngày 22/12; tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con của CBCNV nhân ngày 1/6; tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho các cháu học sinh giỏi, thi đỗ đại học là con của CBCNV Công ty...

9. Chính sách cổ tức

Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kết quả sản xuất kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Sau khi thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ căn cứ theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ Lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 11. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017, 2018, 2019 và kế hoạch năm 2020

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả	Hình thức
2017	30%/mệnh giá	30%/mệnh giá	Tiền mặt
2018	30%/mệnh giá	30%/mệnh giá	Tiền mặt
2019	15%/mệnh giá	15%/mệnh giá	Tiền mặt
Kế hoạch năm 2020	7%/mệnh giá	-	Tiền mặt

(Nguồn: CTCP Thép VICASA - VNSTEEL)

10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. BCTC của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng.

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- **Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm

Các tài sản cố định hữu hình của công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước năm 2007. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, khấu hao điều chỉnh được bắt đầu khi Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Trong năm 2018, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của hai tài sản Lò gia nhiệt cảm ứng điện (Mã TSCĐ: 223024) và Lò ủ phôi thép (Mã TSCĐ: 223029) từ 5 năm sang 7 năm theo quy định tại khung B06, Phụ lục I Khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định - Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo kết quả kiểm toán số 189/TB-KTNN ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn tài sản nhà nước năm 2017 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL. Nguyên nhân thay đổi là do trước đây Công ty Vicasa ghi nhận 02 tài sản này ở nhóm Thiết bị khác (khấu hao 5 năm); Sau đó kiểm toán đề nghị điều chỉnh về nhóm Thiết bị Luyện Kim (khấu hao 7 năm). Công ty đã điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán trong BCTC hồi tố năm 2017 và làm giảm chi phí khấu hao, tăng lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2019, công ty đã phân loại các tài sản cố định là vườn cây lâu năm đã hết khấu hao từ năm trước với nguyên giá tại 31 tháng 12 năm 2019 là 380.075.000 VND từ nhóm "Thiết bị, dụng cụ quản lý" sang nhóm "Nhà cửa và vật kiến trúc". Nguyên nhân là do nhóm Tài sản "Thảm cỏ cây xanh xung quanh Công ty" Nguyên giá là 380.075.000 VND, tăng TSCĐ tháng 01/2011 và đã khấu hao xong. Trước tháng 01/2011 Công ty ghi nhận tăng TSCĐ và hạch toán ở nhóm Súc vật, vườn cây lâu năm. Năm 2019, Công ty theo yêu cầu của Công ty Kiểm toán Delloite, Công ty điều chỉnh về nhóm Nhà cửa vật kiến trúc căn cứ căn cứ khoản 1 Điều 06 Thông tư 45/2013/TT-BTC Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thực tế Tài sản "Thảm cỏ cây xanh xung quanh Công ty" là công trình trang trí cho nhà cửa hình thành trong quá trình thi công xây dựng trụ sở làm việc, nhà kho, nhà xưởng nên việc phân bổ lại như trên là phù hợp với quy định.

- **Mức lương bình quân**

STT	Tên doanh nghiệp	Mức lương bình quân 09 tháng đầu năm 2020
1	Công ty CP Thép Nhà Bè	12,7 triệu đồng/người/tháng.
2	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	14,1 triệu đồng/người/tháng.
3	Công ty Thép VINAKYOEI	12,5 triệu đồng/người/tháng.
4	Công ty CP thép VICASA-VNSTEEL	13,3 triệu đồng/người/tháng.

Nguồn: CTCP Thép VICASA - VNSTEEL

Mức lương trung bình hiện nay của Công ty thực hiện trả người lao động trung bình 09 tháng đầu năm 2020 đạt 13,3 triệu đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp cùng ngành mức lương khá tương đồng và không có sự chênh lệch quá lớn.

- **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ vay của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác phải nộp theo quy định của nhà nước.

Bảng 12. Số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Thuế giá trị gia tăng	55	-	11.754
2	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-8
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.185	2.200	2.458
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.105	356	72
5	Các loại thuế khác	1	1	1
Tổng cộng		2.345	2.557	14.277

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

- **Trích lập các quỹ theo luật định**

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên hàng năm và đúng theo điều lệ, luật hiện hành. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm.

Bảng 13. Trích lập quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Quỹ đầu tư phát triển	14.999	14.999	14.999
2	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.188	129	118
Tổng cộng		16.187	15.128	15.117

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

- **Tổng dư nợ vay**

Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo uy tín của Công ty đối với các nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng.

Bảng 14. Danh sách tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Vay và nợ vay ngắn hạn	275.799	237.958	14.400
2	Vay và nợ vay dài hạn	0	0	0
Tổng cộng		275.799	237.958	14.400

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

Cụ thể dư nợ vay theo từng ngân hàng tại thời điểm 30/09/2020 như sau:

Bảng 15. Danh sách dư nợ vay chi tiết của Công ty tại ngày 30/09/2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.400	14.400
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	2.218	2.218
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	6.340	6.340
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	5.842	5.842

(Nguồn: BCTC Quý III năm 2020)

- **Tình hình công nợ hiện nay**

- » **Các khoản phải thu**

Bảng 16. Danh sách các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản phải thu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	129.501	111.827	113.136
2	Trả trước cho người bán	10.384	1.883	1.803
3	Các khoản phải thu khác	877	666	259
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-85	-65	-50
Tổng cộng		140.677	114.311	115.149

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 và 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

(*) **Danh sách các khoản phải thu với các bên có liên quan**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Phải thu khách hàng	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	128.130	89.461	95.225
Công ty Thép Tây Đô	8	10.333	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Miền Nam	1.254	619	153
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp VINGAL - VNSTEEL	-	3	-
Công ty Cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL	-	-	327
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	-	6.362
Công ty TNHH Thép VINAKYOEI	-	-	10.549
	129.392	100.415	112.617

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 và 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

» **Các khoản phải trả**

Bảng 17. Danh sách các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản phải trả	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
I	Nợ ngắn hạn	361.183	281.316	102.600
1	Phải trả người bán	62.743	20.483	39.705
2	Người mua trả trước	-	130	73
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.345	2.557	14.303
4	Phải trả người lao động	16.470	16.170	22.686
5	Chi phí phải trả	352	319	3.111
6	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.285	3.570	3.804

7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác	275.799	237.958	14.400
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	4.400
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.188	129	118

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 và 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

Các khoản nợ phải trả của Công ty tương đối ổn định qua các năm, đảm bảo cho Công ty hoạt động hiệu quả.

Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn khác của Công ty tại thời điểm 30/09/2020 như sau:

Nội dung	30/09/2020
Chi tiết một số nội dung có số dư lớn	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>
Kinh phí công đoàn	74
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.032
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40
Tổng cộng	1.266

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18. Danh sách các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	09 tháng năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,46	1,43	2,22
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,46	0,49	1,36
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,11%	55,44%	32,10%

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	144,58%	124,41%	47,28%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho <i>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)</i>	Vòng	9,76	6,83	8,31
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	4,85	3,96	3,40
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,28%	1,14%	1,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,36%	10,63%	7,56%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	6,19%	4,52%	3,57%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,63%	1,43%	1,28%

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 và 2019, và quý III năm 2020)

Chỉ số thanh toán ngắn hạn:

Chỉ số thanh toán hiện hành của Công ty duy trì ở mức 1,4 lần trong giai đoạn năm 2018 – 2019 đây là mức an toàn đối với doanh nghiệp sản xuất thép như Vicasa. Bên cạnh đó, năm 2019 chỉ số thanh toán nhanh cải thiện đáng kể đạt 0,49 lần so với năm 2018 (0,46 lần) chủ yếu là do trong năm 2019 Công ty giảm 96 tỷ đồng hàng tồn kho.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Nhìn chung trong năm 2019, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm tỷ trọng nợ, chỉ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ mức 144,58% trong năm 2018 về mức 124,41% trong năm 2019. Trong đó chủ yếu giảm các khoản như: Nợ vay ngắn hạn năm 2019 đạt 237,9 tỷ đồng giảm 13,74% so với năm 2018; Phải trả người bán ngắn hạn đạt 20,5 tỷ đồng giảm 67,34% so với năm 2018. Trong giai đoạn khó khăn chung của ngành thép việc giảm đòn bẩy tài chính giúp giảm áp lực về lãi vay.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Năm 2019, tình hình giá thép trong nước nhiều biến động với xu hướng giảm là chủ yếu, nhu cầu tiêu thụ thấp, giá thép phế liệu tăng cao gây nhiều khó khăn cho Công ty. Nhu cầu tiêu thụ thép trong nước và thế giới thấp chưa có dấu hiệu hồi phục, điều đó ảnh hưởng đến các chỉ

tiêu hoạt động của Công ty. Cụ thể, chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản (Doanh thu thuần/Bình quân tổng tài sản) giảm từ mức 4,85 lần năm 2018 còn 3,96 lần năm 2019 và vòng quay hàng tồn kho giảm từ mức 9,76 vòng năm 2018 còn 6,83 đến chủ yếu từ sự sụt giảm của Doanh thu năm 2019 (giảm 11,55% so với năm 2018).

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Với tình hình khó khăn chung của ngành thép, hầu hết các chỉ số sinh lợi của Công ty đều có xu hướng giảm so với năm 2018 như ROE và ROA năm 2019 lần lượt đạt 10,63%; 4,52%. Trong khi đó năm 2018, các chỉ số ROE và ROA lần lượt đạt 12,36%; 6,19%.

11. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng Quản trị

Bảng 19. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Cam	023912496	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Huỳnh Công Du	080066000345	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Bảo Giang	023036015	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Đông Vững	025717685	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

❖ ÔNG: LÊ VĂN CAM – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông: Lê Văn Cam	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Giới tính	Nam
Ngày sinh	15/08/1961
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	023912496 cấp ngày 28/05/2015, Nơi cấp: Công an TP.HCM.
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	117 Nguyễn Văn Khôi, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM.

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 1978 - 1982	Trình sát Tỉnh đội Nghĩa Bình, NV Quân Lực Trung đoàn 144, Sư đoàn 860, Quân khu 5- Thượng sỹ
- Từ 1982 - 1987	Trường Đại học Bách khoa TP Hồ chí Minh - Sinh viên
- Từ 1987 - 1994	Nhà máy Cơ khí Luyện kim - Phó phòng Kỹ thuật
- Từ 1994 - 1998	Nhà máy Thép Nhà Bè - Phó phòng Kỹ thuật
- Từ 1998 - 2007	Tổng Công ty Thép Việt Nam - Phó phòng Kỹ thuật-Cơ điện.
- Từ 2007 - 2010	Công ty liên doanh Thép Tây Đô - Tổng Giám Đốc
- Từ 2010 - 2013	Công ty CP Thép Biên Hòa - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Từ 2013 - Nay	Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện	3.796.875 CP tương đương 25% VDL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Đại diện vốn: Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP ĐKDN: 0100100047; cấp ngày 05/02/1996; nơi cấp Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Số cổ phần nắm giữ: 9.871.875 CP chiếm 65% vốn điều lệ.

❖ **ÔNG: HUỖNH CÔNG DU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông: Huỳnh Công Du	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	13/01/1966
Nơi sinh	Long An
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD	080066000345 cấp ngày 28/08/2018, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 24, đường số 7, khu dân cư Nam Long, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Luyện kim
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ tháng 01/1991 đến tháng 01/1993	Kỹ sư thực tập Nhà máy Thép Biên Hòa (VICASA)
- Từ tháng 01/1993 đến tháng 05/1993	Kỹ thuật viên – VICASA
- Từ tháng 06/1993 đến tháng 09/1993	Phó Quản đốc PX Cán – VICASA
- Từ tháng 09/1993 đến tháng 01/1995	Quyền Quản đốc PX Cán – VICASA
- Từ tháng 01/1995 đến tháng 08/1998	Quản đốc PX Cán – VICASA
- Từ tháng 09/1998 đến tháng 04/2000	Phó Giám đốc VICASA
- Từ tháng 04/2000 đến tháng 04/2002	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Thép Miền Nam
- Từ tháng 04/2002 đến tháng 04/2004	Phó ban Quản lý dự án Cán nguội Phú Mỹ
- Từ tháng 04/2004 đến tháng 06/2007	Phó Giám đốc Công ty Thép Tấm lá Phú Mỹ
- Từ tháng 06/2007 đến tháng 03/2009	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty cổ phần Thép Essa Việt Nam
- Từ tháng 04/2009 đến tháng 02/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất
- Từ tháng 02/2011 đến tháng 12/2014	Giám đốc Công ty Thép Tấm lá Phú Mỹ
- Từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2018	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn
- Từ tháng 01/2019 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL.
- Từ tháng 04/2019 Đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành Viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện	2.278.125 CP tương đương 15% VDL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	<p>Vợ: Huỳnh Thị Lệ Nga CMND: 022504547; cấp ngày 05/06/2009; nơi cấp CA TP.HCM. Số cổ phần nắm giữ: 5.737 CP chiếm 0,038% vốn điều lệ. Đại diện vốn: Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP ĐKDN: 0100100047; cấp ngày 05/02/1996; nơi cấp Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Số cổ phần nắm giữ: 9.871.875 CP chiếm 65% vốn điều lệ.</p>

❖ **ÔNG: NGUYỄN BẢO GIANG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông: Nguyễn Bảo Giang	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/01/1976
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	023036015 cấp ngày 23/07/2010, Nơi cấp: Công an TP.HCM
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	254A Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học; Chuyên ngành: Kinh tế.
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 01/1998 đến 01/2019	- Công ty TNHH Thép An Hưng Tường; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- Từ 01/2019 đến 12/2019	- Công ty TNHH Thép VAS An Hưng Tường; - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Từ 12/2019 đến 04/2020	- Công ty CP Thép VAS An Hưng Tường; - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Từ 04/2020 đến nay	- Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường; - Chức vụ: Chủ tịch Công ty.
- Từ T.06/2007 – nay	- Công ty CP Thép Đà Nẵng; - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Từ năm 2006 – nay	- Công ty CP Thép Tân Thuận; - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Từ năm 2009 – nay	- Công ty CP Gang thép Nghi Sơn; - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc.
- Từ T.06/2010 – nay	- Công ty CP Thép VAS Tuệ Minh; - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Từ 20/12/2007 – nay	- Công ty CP Thép VICASA – VNSTEEL - Chức vụ: Thành viên HĐQT.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Đà Nẵng. - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép Tân Thuận. - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Gang thép Nghi Sơn. - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thép VAS Tuệ Minh - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép VAS An Hưng Tường
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện	1.084.629 CP tương đương 7,14% VDL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Đại diện vốn: Công ty CP Thép Đà Nẵng ĐKKD: 0400101549; cấp ngày 02/05/2007; nơi cấp Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố TP. Đà Nẵng Số cổ phần nắm giữ: 1.084.629 CP chiếm 7,14% vốn điều lệ.

❖ **ÔNG: NGUYỄN ĐÔNG VŨNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông: Nguyễn Đông Vũng	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	15/08/1973
Nơi sinh	Kiên Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	025717685 cấp ngày 12/12/2012, Nơi cấp: Công an TP.HCM
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Nhà 506 C1, khu dân cư An Bình, P.An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 1997 đến 1998	Công ty CP Tin học Lạc Việt; Nhân viên
- Từ 1998 đến 1999	Công ty Việt Nam Network; Nhân viên
- Từ 1999 đến 2000	Công ty Tin học Việt Long; Trưởng phòng Dự án
- Từ 10/2001 đến 06/2007	Công ty Thép Miền Nam; Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
- Từ 07/2007 đến 12/2012	Tổng Công ty Thép Việt Nam; Phó Chánh Văn phòng
- Từ 01/2013 đến 10/2014	Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng; Chức vụ: Giám đốc
- Từ 15/10/2014 đến 31/10/2015	Công ty TNHH Một thành viên Thép Miền Nam-VNSTEEL, Trưởng phòng Kinh Doanh
- Từ 01/11/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL; Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Từ tháng 03/2016 Đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện	1.518.750 CP tương đương 10% VDL
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Đại diện vốn: Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP ĐKDN: 0100100047; cấp ngày 05/02/1996; nơi cấp Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Số cổ phần nắm giữ: 9.871.875 CP chiếm 65% vốn điều lệ.

11.2 Ban Tổng Giám đốc

Bảng 20. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ tên	CMND/Hộ chiếu	Chức vụ
1	Ông Huỳnh Công Du	080066000345	Tổng Giám đốc
2	Ông Vương Thanh Đường	271200817	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Đông Vững	025717685	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Ngô Tiến Thọ	272991356	Phó Tổng giám đốc

❖ **ÔNG: HUỖNH CÔNG DU – TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Xem thông tin trên phần sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **ÔNG: NGUYỄN ĐÔNG VỮNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Xem thông tin trên phần sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **ÔNG: VƯƠNG THANH ĐƯỜNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông: Vương Thanh Đường	Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/06/1966
Nơi sinh	Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	271200817 cấp ngày 06/06/2015, Nơi cấp: CA Đồng Nai
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 40, KP 10, Phường An Bình, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư Cơ Khí Chế Tạo Máy
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 10/1984 – 05/1997	Kỹ Thuật Viên Phân Xưởng Cơ Điện Nhà Máy Thép Biên Hòa
- Từ 06/1997 – 12/1998	Phó Phòng Cơ Điện Kỹ Thuật Nhà Máy Thép Biên Hòa
- Từ 01/1999 – 09/2002	Phó Quản Đốc Phân Xưởng Cơ Điện Nhà Máy Thép Biên Hòa
- Từ 10/2002 – 09/2004	Phó Quản Đốc Phân Xưởng Cán Nhà Máy Thép Biên Hòa
- Từ 10/2004 – 11/2007	Phó Phòng Kỹ Thuật Cơ Điện Nhà Máy Thép Biên Hòa
- Từ 12/2007 – 06/2014	Trưởng Phòng Kỹ Thuật Cơ Điện Công Ty CP Thép Biên Hòa (VICASA)
Từ 07/2014 – đến nay	Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Thép VICASA - VNSTEEL
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	2.587 CP tương đương 0,017% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

❖ **ÔNG: NGÔ TIẾN THỌ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông: Ngô Tiến Thọ	Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	21/06/1979
Nơi sinh	Trạm lô, Thuận Thành, Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	272991356 cấp ngày 04/08/2018, Nơi cấp: CA tỉnh Đồng Nai
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	A17, tổ 22C, khu phố 4, phường Bửu Long, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư luyện kim
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 07/2002 đến 07/2003	Thực tập sinh tại Nhà máy Thép Thủ Đức – Công ty Thép Miền Nam (SSC);
- Từ 08/2003 đến 08/2004	Nhân viên Kỹ thuật Dự án Thép Phú Mỹ - SSC;
- Từ 09/2004 đến 04/2005	Thực tập Trưởng ca tại Nhà máy Thép Biên Hòa - SSC;
- Từ 05/2005 đến 12/2006	Kỹ thuật viên Phân xưởng Luyện thép - Nhà máy Thép Phú Mỹ - Công ty Thép Miền Nam;
- Từ 01/2007 đến 12/2007	Kỹ thuật viên Phân xưởng Luyện thép - Công ty Thép Miền Nam, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP;
- Từ 01/2008 đến 03/2014	Phó Quản đốc Phân xưởng Luyện thép - Công ty Thép Miền Nam, Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP;
- Từ 04/2014 đến 12/2016	Giám đốc Kỹ thuật Công ty TNHH VNS-DAEWOO;
- Từ 01/2018 đến 03/2017	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Thép VICASA - VNSTEEL;

- Từ 04/2017 đến nay	Quản đốc Phân xưởng Luyện thép Công ty CP Thép VICASA – VNSTEEL, Phó Tổng giám đốc.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	0 CP tương đương 0 % VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

11.3 Ban kiểm soát

Bảng 21. Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Phước Hải	074064000006	Trưởng ban kiểm soát
2	Ông Lê Trọng Dung	042063000172	Thành viên BKS
3	Ông Hồ Duy Khải	311748731	Thành viên BKS

❖ **ÔNG: NGUYỄN PHƯỚC HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Ông: Nguyễn Phước Hải	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/10/1964
Nơi sinh	Bình Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	074064000006 cấp ngày 19/01/2016, Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	67/41 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài Chính Kế Toán
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ tháng 3/1984 đến tháng 3/1987	Kế toán tổng hợp Nhà máy Thép Tân Thuận
- Từ tháng 4/1987 đến tháng 2/1988	Kế toán tổng hợp Nhà máy Cơ Khí Luyện Kim
- Từ tháng 3/1988 đến tháng 10/1990	Thi hành nghĩa vụ quân sự - Quân khu 7
- Từ tháng 11/1990 đến tháng 8/2001	Kế toán tổng hợp Công ty Thép Miền Nam
- Từ tháng 9/2001 đến tháng 5/2002	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Thép Nhà Bè
- Từ tháng 6/2002 đến tháng 5/2009	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Thép Phú Mỹ
- Từ tháng 6/2009 đến tháng 6/2014	Phó phòng TCKT Tổng công ty Thép Việt Nam
- Từ tháng 7/2014 đến tháng 3/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thép Vicasa Vnsteel
- Từ tháng 4/2015 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Cty CP Thép Vicasa Vnsteel
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP Thép Tân Thuận
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

❖ **ÔNG: LÊ TRỌNG DUNG – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ông: Lê Trọng Dung	Chức vụ: Thành Viên Ban Kiểm Soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	15/08/1963
Nơi sinh	Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD	042063000172 cấp ngày 18/04/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	247-249 đường Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cán Thép
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ tháng 01/1988 - 03/1997	Kỹ sư cán. Phân xưởng cán - Nhà máy Thép Biên Hòa
- Từ tháng 04/1997 - 12/2001	Phó quản đốc PX Cán - Nhà máy Thép Biên Hòa
- Từ tháng 01/2002 - 06/2014	Quản đốc PX Cán - Công ty CP Thép Biên Hòa (VICASA)
- Từ tháng 07/2014 - 11/2016	Trưởng Phòng KTCĐ-AT - Công ty CP Thép Biên Hòa (VICASA)
- Từ tháng 12/2016 - nay	Quản đốc PX Cán - Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Từ tháng 04/2015 đến nay	Thành Viên Ban Kiểm Soát Công ty.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	2.137 CP tương đương 0,014% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

❖ **ÔNG: HỒ DUY KHẢI – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ông: Hồ Duy Khải	Chức vụ: Thành Viên Ban Kiểm Soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	03/01/1982
Nơi sinh	Gò Công, Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	311748731 cấp ngày 31/3/2014, Nơi cấp: CA Tiền Giang
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	59/63, Đường 102, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP. HCM
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế lao động, thạc sĩ kinh tế phát triển.
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ 8/2004 – 5/2011	Chuyên viên lao động tiền lương, Phòng TCHC. Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
- Từ 6/2011 – Nay	Phó Phòng TCHC. Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành Viên Ban Kiểm Soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	337 CP tương đương 0,002% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

❖ **ÔNG: NGUYỄN THANH HÙNG - Kế toán trưởng**

Ông: Nguyễn Thanh Hùng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/10/1975
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211923030 cấp ngày 24/05/2010, Nơi cấp: CA Quảng Ngãi
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 3+5 Lô C9, KP11, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Năm	Đơn vị công tác
- Từ tháng 9/1999 – tháng 7/2001	Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Thủy sản số 4
- Từ tháng 7/2001 – tháng 10/2001	Nhân viên Phòng TCKT Văn phòng Công ty Thép Miền Nam
- Từ tháng 11/2001 – tháng 5/2004	Kế toán tổng hợp - Nhà máy Thép Biên Hòa
- Từ tháng 6/2004 – tháng 2/2005	Phó Phòng Kế toán Tài vụ - Nhà máy Thép Biên Hòa
- Từ tháng 3/2005 – tháng 12/2007	Trưởng Phòng Kế toán Tài vụ - Công ty Thép Biên Hòa (VICASA)
- Từ tháng 01/2008 – đến nay	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu	1.958 CP tương đương 0,01% VDL
Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Vợ: Mè Hồng Minh CMND: 271609778; cấp ngày 07/05/2015; nơi cấp CA Đồng Nai. Số cổ phần nắm giữ: 9.134 CP chiếm 0,06% vốn điều lệ.

12. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của công ty

Bảng 22. Tình hình tài sản cố định

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tài sản	31/12/2018		31/12/2019		30/09/2020	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	391.412	73.362	391.967	86.513	389.847	70.590
1	Nhà cửa vật kiến trúc	60.980	7.081	61.618	5.413	61.407	3.991
2	Máy móc, thiết bị	284.885	59.196	289.036	76.425	287.393	63.225
3	Phương tiện vận tải	35.800	5.957	32.247	3.304	32.247	2.384
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	9.747	1.128	9.066	1.371	8.800	990

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 và 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

Bảng 23. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Triệu đồng

Xây dựng cơ bản	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Xây dựng cơ bản dở dang	4.358	4.479	9.419
Cán thô hàng dọc	4.073	-	-
Thay động cơ DC350KW, hộp giảm tốc truyền lực và Hệ thống điều khiển đi kèm cho máy cán K14 và K15 (02 cụm)	-	-	3.483
Hệ thống vận chuyển và đóng bó thành thép cuộn	-	4.122	-
Hệ thống đóng bó thành thép cuộn COOLING BOX	-	-	1.815
Hệ thống điều khiển điện cực lò luyện thép	286	357	4.122
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	1.498
Sửa chữa tháp làm lạnh và hệ thống máy nén trung áp trạm Oxy	-	-	934
Sửa chữa mặt bằng, bố trí lại khu vực đóng bó thép thanh	-	-	298
Sửa chữa Chống dột nhà xưởng kho (Năm 2020)	-	-	266
Tổng cộng	4.358	4.479	10.918

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018 và 2019 và BCTC Quý III năm 2020)

Bảng 24. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

TT	Tên khu đất	Số GCNSD Đất	Diện tích được giao (m ²)	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1	Thửa đất số 151 Tờ bản đồ số 47	AL 632521	127.721,6	12/04/2051	Thuê đất của DN Đầu

TT	Tên khu đất	Số GCNSD Đất	Diện tích được giao (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
2	Thửa đất số 152 Tờ bản đồ số 47	AL 632520	65.872,5	12/04/2051	tư hạ tầng Khu công nghiệp (Công ty PT KCN Biên Hòa)
3	Thửa đất số 147 Tờ bản đồ số 47	AL 632517	3.841,9	12/04/2051	
4	Nhà nghỉ giữa ca	Đang chờ cấp	185		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

Báo cáo tài chính 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 07/02/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và vấn đề cần nhấn mạnh về việc có điều chỉnh đơn giá thuê đất của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo thông báo của Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp nhưng hai bên chưa ký văn bản điều chỉnh hợp đồng thuê đất tại địa điểm này tính đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán năm trước.

Ngày 19/12/2017: Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL và Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi) đã có Biên bản làm việc V/v: Ký phụ lục Hợp đồng Thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại KCN Biên Hòa 1.

Ngày 27/04/2018: Công ty Vicasa và Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi) đã ký Phụ lục số 05 Hợp đồng Thuê lại đất và Phí sử dụng hạ tầng, trong đó:

- Tiền thuê lại đất: Giá 7.858 đ/m²/năm (Áp dụng từ 01/01/2017); Giá cũ: 800đ/m²/năm
- Phí sử dụng hạ tầng: Giá 9.100đ/m²/năm (Áp dụng từ 01/01/2018); Giá cũ 0,4usd/m²/năm.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới và được xây dựng dựa trên tình hình thực tiễn của nền kinh tế và các dự báo của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty sẽ thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh trong từng thời kỳ, trên cơ sở đó, Công ty sẽ có bước điều chỉnh kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tiễn (*Chi tiết dự kiến Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 của Công ty được trình bày tại bảng dưới đây*)

Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và dự kiến năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		KH năm 2020		KH năm 2021
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2018	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2019	Giá trị
Doanh thu thuần	2.214.050	-11,87%	2.242.836	1,30%	2.015.000
Lợi nhuận sau thuế	25.294	-21,20%	16.024	-36,65%	16.024
Vốn chủ sở hữu	226.121	-9,49%	216.463	-4,27%	219.754
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,14%	-	0,71%	-	0,8%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	11,20%	-	7,37%	-	7,29%.
Cổ tức	15,00%	-50,00%	7,00%	-53,33%	7,00%

(Nguồn: Nghị quyết số Hội đồng quản trị số 75/NQ-HĐQT-VCA ngày 02/12/2020)

- Căn cứ để đạt kế hoạch kinh doanh

Căn cứ tình hình thực tế, tính đến hết 09 tháng đầu năm, doanh thu thuần Công ty đạt 1.575,79 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 16,55 tỷ đồng, tương ứng với 70,26% kế hoạch doanh thu và 103,28% kế hoạch lợi nhuận. Theo Ban lãnh đạo Công ty nhận định hết năm tài chính 2020 để đạt doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch sẽ gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất thép, Công ty sẽ đẩy mạnh sản xuất và đầu ra nhằm hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

• Giải pháp đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Công tác quản trị:

- + Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.
- + Đôn đốc Ban Tổng giám đốc làm tốt việc chuẩn bị đơn hàng và giá cả theo hướng chuyên môn hóa để bảo đảm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- + Quyết liệt chỉ đạo tiết kiệm, chống tổn thất để nâng cao năng suất lao động.

Công tác đầu tư:

- + Xây dựng chiến lược đầu tư, phát triển phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo đạt được các mục tiêu chủ yếu của phương án sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, nhất là chỉ tiêu về doanh số, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức.

- + Tập trung đầu tư chiều sâu thiết bị và công nghệ bảo đảm phục vụ cho nhu cầu của sản xuất.

Nguồn nhân lực:

- + Tiếp tục phát triển quy mô nhân lực
- + Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo quy mô, bài bản đối với đội ngũ cán bộ

Giải pháp về thị trường:

- + Duy trì và cải thiện mối quan hệ tốt với các khách hàng, nhà cung cấp truyền thống thông qua việc đảm bảo chất lượng các đơn hàng và tổ chức các Hội nghị Khách hàng nhằm tạo tính gắn kết.

- Kế hoạch mua sắm tài sản cố định và đầu tư phát triển năm 2020

- + ***Kế hoạch đầu tư phát triển***

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Phân loại dự án	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn		Kế hoạch giải ngân các dự án năm 2020		
				Vốn CSH	Vốn vay	Tổng số	Vốn CSH	vốn vay
1	Dự án khởi công mới		10,00	10,00	0,00	10,00	10,00	0,00
1.1	Dự án hệ thống đóng bó thép cuộn	Nhóm C	10,00	10,00	0,00	10,00	10,00	0,00
	Tổng cộng		10,00	10,00	0,00	10,00	10,00	0,00

Thực tế triển khai: Dự án Hệ thống đóng bó thép cuộn chuyển sang hình thức tự thực hiện chứ không đầu tư mới nhằm giảm thiểu tối đa chi phí đầu tư, phù hợp với điều kiện tài chính hiện tại của Công ty, bao gồm các hạng mục chính sau:

- Hệ thống làm mát, chống bụi nhà xưởng, kết hợp quả cầu giải nhiệt với hệ thống phun nước sương.
- Hệ thống Cooling box.
- Hệ thống vận chuyển và đóng bành.
- Hệ thống hứng sản phẩm.

Tổng mức đầu tư thực tế: 03 tỷ đồng.

Thời gian triển khai: quý 4 năm 2020 đưa công trình vào vận hành sử dụng.

Lợi ích kinh tế mang lại từ việc triển khai dự án:

- Tự động hóa quá trình đóng bó đến khâu kết thúc treo nhãn sản phẩm.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Mặt bằng được bố trí gọn gàng, nhiệt độ làm việc toàn bộ khu vực giảm, điều kiện làm việc của công nhân được cải thiện.

+ **Đầu tư mua sắm, nâng cấp tài sản cố định (TSCĐ):**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Hạng mục	Thời gian dự kiến thực hiện	Kế hoạch năm 2020						
			Đầu tư mua sắm TSCĐ				Đầu tư nâng cấp TSCĐ		
			Tổng giá trị đầu tư	Trong đó giải ngân			Tổng giá trị	Trong đó	
				Tổng giá trị	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay		Vốn CSH	Vốn vay
1	Hạng mục chuyển tiếp		4,00	3,20	3,20	0,00	0,00	0,00	0,00
1.1	Thay động cơ DC350kw, hộp giảm tốc truyền lực và HT điều khiển đi kèm cho máy cắt K14 và K15 (02 cụm).	2019-2020	4,00	3,20	3,20				
2	Hạng mục đầu tư mới		1,80	1,80	1,80	0,00	0,00	0,00	0,00
2.1	Máy đóng bó thép thanh	2020	1,80	1,80	1,80				
	Tổng cộng		5,80	5,00	5,00	0,00	0,00	0,00	0,00

- **Kế hoạch tăng vốn điều lệ:** Công ty hiện chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ trong thời gian tới.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL là doanh nghiệp có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như

tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Về thành phần Hội đồng quản trị của Công ty

Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng quy định:

“Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập”.

Hiện tại Hội đồng quản trị của Công ty có 04 thành viên nhưng chưa đáp ứng đủ tỷ lệ 1/3 thành viên độc lập, Công ty cam kết tại Đại hội cổ đông thường niên gần nhất sẽ thực hiện kiện toàn lại thành phần HĐQT được quy định đối với công ty niêm yết tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng có hiệu lực và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 6/11/2017.

Về thành phần Ban Kiểm soát

Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng quy định:

“Đối với công ty niêm yết và công ty đại chúng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên”.

Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty có 02 thành viên không có bằng kế toán viên, kiểm toán viên, Công ty cam kết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 sẽ thực hiện kiện toàn lại thành phần Ban Kiểm soát được quy định đối với công ty niêm yết tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng có hiệu lực và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 6/11/2017.

Về Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ

Hiện tại, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp, Nghị định 71/2017 phù hợp với công ty đại chúng. Công ty cam kết sau khi lên niêm yết, Công ty sẽ thực hiện sửa đổi và thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ theo đúng quy định đối với công ty niêm yết tại Đại hội cổ đông gần nhất.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- 1. Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- 2. Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
- 3. Tổng số chứng khoán niêm yết:** 15.187.322 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết:

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết như sau:

Bảng 26. Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết

STT	Tên cá nhân/Tổ chức	Đối tượng	Số CP cam kết nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số CP cam kết nắm giữ trong 12 tháng kể từ ngày niêm yết
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ	9.871.875	4.935.938
2	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Cổ đông lớn	1.084.629	542.315
3	Vương Thanh Đường	Phó TGD	2.587	1.294
4	Hồ Duy Khải	Thành viên BKS	337	169
5	Lê Trọng Dung	Thành viên BKS	2.137	1.069
6	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng	1.958	979
Tổng cộng			10.963.523	5.481.764

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL)

5. Xếp hạng tín nhiệm: Không có.

6. Giá niêm yết dự kiến

Căn cứ Điều 1 Quy chế niêm yết ban hành theo Quyết định 295/QĐ – SGDCKHCM ngày 30/07/2019 sửa đổi bổ sung Điều 5 Quy chế niêm yết chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định 85/QĐSGDHCM ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh như sau: “Trường hợp chứng khoán Niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Hà Nội chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán không phải xác định giá dự kiến niêm yết cho ngày giao dịch đầu tiên trên SGDCK trước khi SGDCK cấp quyết định Niêm yết. Phương pháp

tính giá trong Bảng cáo bạch niêm yết tối thiểu phải có hai phương pháp giá trị sổ sách và phương pháp bình quân giá tham chiếu của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy niêm yết/đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội”

6.1 Phương pháp giá trị sổ sách của VICASA tại ngày 30/09/2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ghi chú	Giá trị
Vốn chủ sở hữu	Đồng	(1)	216.988.750.770
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đồng	(2)	0
Số lượng cổ phiếu đăng lưu hành	Cổ phiếu	(3)	15.187.322
Giá trị sổ sách của cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	(4)=(1-2)/3	14.287

6.2 Phương pháp bình quân trọng số

Phương pháp bình quân giá tham chiếu của ít nhất hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trên SGDCK Hà Nội trước khi nộp hồ sơ niêm yết trên HSX tạm tính đến ngày 09/09/2020 là: 9.495 đồng/cổ phiếu làm tròn là 9.500 đồng/cổ phiếu.

Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Phương pháp bình quân giá tham chiếu của hai mươi (20) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất làm phương pháp xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VCA trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Giá cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng trăm đồng. Sau khi được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định niêm yết và VCA hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội, VCA sẽ tính toán giá tham chiếu hai mươi (20) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên SGDCK Hà Nội để xác định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên và báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền, công bố thông tin theo quy định. Biên độ giao động giá cổ phiếu ngày giao dịch đầu tiên là 20%.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2015.

Theo quy định tại Luật số 03/2016/QH14 về việc sửa đổi bổ sung điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của luật đầu tư, ngành nghề “**Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa**”, “**Vận tải hàng hóa bằng đường bộ**”, “**Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan**” và “**Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê**” mà công ty đăng ký hoạt động là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Căn cứ các văn bản pháp luật hướng dẫn, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài mà Công ty được áp dụng tối đa là 49%. Tại thời điểm ngày 17/06/2020, cổ đông nước ngoài sở hữu 54.987 cổ phần, tương đương với 0,36% vốn điều lệ của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đang chịu các loại thuế theo quy định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu.

Đối với nhà đầu tư sẽ chịu thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu.

8.1. Thuế liên quan tới hoạt động của Công ty

a. Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng nội địa của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT năm 2008 và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất Thuế GTGT mà Công ty phải chịu là 10%.

Thuế VAT hàng nhập khẩu để sản xuất hàng nội địa: tính và nộp theo quy định hiện hành.

b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế TNDN bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo Thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế.

c. Thuế xuất, nhập khẩu

Thuế nhập khẩu: Đối với nguyên vật liệu, máy móc thiết bị nhập khẩu để sản xuất hàng nội địa.

Công ty thực hiện kê khai và nộp theo đúng quy định.

d. Các loại thuế khác

Công ty tuân thủ và nộp theo Luật thuế và các chính sách về thuế hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp như: thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân...

8.2. Thuế liên quan tới nhà đầu tư, cổ đông

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 4a, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Thuế TNCN và căn cứ Khoản 5, Điều 16, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài: Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ : 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3773 7070 Fax: (024) 3773 9058

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3824 1990

Website: <https://aasc.com.vn>

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 028 3910 0751

Website: <https://www2.deloitte.com/vn>

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Phụ lục II

Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Phụ lục III

Giới thiệu các văn bản pháp luật.

4. Phụ lục IV

Bản sao Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 và 2019;

Bản sao Báo cáo tài chính quý III năm 2020.

5. Các phụ lục khác

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2020

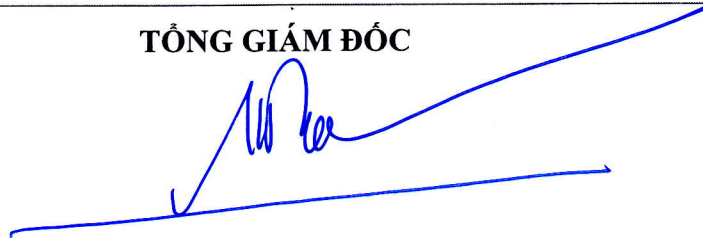
TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ VĂN CAM

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH CÔNG DU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN PHƯỚC HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THANH HÙNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN.HCM

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



LÊ QUANG NGỌC THANH